*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**BÀI 2 - CHỦ ĐỀ 2: VẺ ĐẸP CỔ ĐIỂN**

**Tiết 16, 17, 18, 19, 20**

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ ĐƯƠNG LUẬT**

**( THẤT NGÔN BÁT CÚ ĐƯỜNG LUẬT VÀ THẤT NGÔN TỨ TUYỆT)**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận biết các đặc điểm của thơ Đường luật (thể thơ, bố cục, đề tài, ngôn ngữ;....);

- Năng lực đọc hiểu các văn bản thơ Đường luật trong và ngoài SGK.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm trong mỗi con người.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC VỀ THỂ LOẠI THƠ ĐƯỜNG LUẬT**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của thể loại thơ Đường luật.

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**( THỜI GIAN DỰ KIẾN THỰC HIỆN: 20 PHÚT)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV phát bản nội dung tri thức** về thơ Đường cho hs đọc thầm trong 5 phút.  **- GV phát phiếu học tập:**  *Dựa vào kiến thức đã học, em hãy trình bày sự hiểu biết của mình về thơ Đường luật qua việc điền các thông tin vào bảng thống kê sau.*   |  |  | | --- | --- | | ***Yếu tố*** | ***Biểu hiện*** | | ***Nguồn gốc*** |  | | ***Thể loại chính*** |  | | ***Quy tắc*** |  | | ***Ngôn ngữ*** |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | 1. **Tri thức nền cần ghi nhớ:**   **1.*Thơ Đường luật hay thơ luật Đường*** là thuật ngữ chỉ các thể thơ được viết theo quy tắc chặt chẽ (luật). Vì được định hình từ thời nhà Đường (Trung Quốc) từ năm 618 đến năm 907 nên được gọi là thơ Đường luật. Thơ Đường luật phát triển hết sức mạnh mẽ tại quê hương của nó và nhanh chóng ảnh hưởng đến nhiều quốc gia trong khu vực.  ***Thơ Đường luật*** có hai thể chính là bát cú Đường luật và tứ tuyệt Đường luật.  ***Bài thơ Đường luật*** có hệ thống quy tắc phức tạp thể hiện ở 5 điều sau: luật, niêm, đối, vần và bố cục.  + Niêm nghĩa là dán cho dính lại. Niêm trong thơ hiểu là quy tắc sắp xếp các câu thơ trong bài dính lại với nhau về âm điệu. Các câu trong thơ Đường luật giống nhau về luật thì được gọi là những câu niêm với nhau.  Trong bài thất ngôn bát cú thì nguyên tắc niêm như sau:  Câu 1-8  Câu 2-3  Câu 4-5  Câu 6-7  + Luật thơ Đường căn cứ vào các quy định chặt chẽ về thanh trắc và thanh bằng. Thanh bằng bao gồm những *chữ không dấu hoặc thanh huyền*, thanh trắc bao gồm các dấu còn lại: *hỏi, sắc, ngã, nặng.*  *Những bài thơ thuộc loại luật bằng là những bài sử dụng thanh bằng ở chữ thứ 2 trong câu đầu tiên; ngược lại nếu chữ thứ 2 ở câu đầu mà sử dụng thanh trắc thì được gọi là thơ luật trắc. Chữ thứ 2 và chữ thứ 6 trong cùng 1 câu phải giống nhau về thanh điệu và đồng thời chữ thứ tư không được có thanh điệu giống 2 chữ kia. Để dễ nhớ người ta quy ước:*  Nhất tam ngũ bất luận  Nhị tứ lục phân minh  *( Chữ thứ 1,3,5 không cần theo luật; chữ thứ 2,4,6 phải theo luật đối âm) Nếu một câu không làm theo quy định thì bị coi là thất luật.*  *+* Thơ Đường luật đặt ra yêu cầu đối chủ yếu ở câu 3-4;5-6 đối với thể thất ngôn bát cú.( Đối thanh, đối cảnh, đối ý, đối từ loại)  ***Ngôn ngữ thơ Đường luật*** rất cô đọng, hàm súc; bút pháp tả cảnh thiên về gợi và ngụ tình.  ***Bố cục bài thơ Đường luật:***  \*Thơ thất ngôn bát cú chia làm 4 phần, mỗi phần 2 câu: (Đề, thực, luận, kết)  \*Thơ tứ tuyệt chia làm 4 phần, mỗi phần câu: (Khai, thừa, chuyển, hợp) |

**CÁC VĂN BẢN THƠ ĐƯỜNG LUẬT ĐƯỢC HỌC TRONG BỘ SÁCH KNTT 8**

|  |  |
| --- | --- |
| **VĂN BẢN 1** | **THU ĐIẾU ( NGUYỄN KHUYẾN)** |
| **VĂN BẢN 2** | **QUA ĐÈO NGANG (BÀ HUYỆN THANH QUAN)** |

**CÁC VĂN BẢN THƠ ĐƯỜNG LUẬT NGOÀI SGK BỘ KẾT NỐI LỰA CHỌN BỔ SUNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **VĂN BẢN 1** | **THU VỊNH ( NGUYỄN KHUYẾN)** |
| **VĂN BẢN 2** | **THU ẨM ( NGUYỄN KHUYẾN)** |
| **VĂN BẢN 3** | **CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ (BÀ HUYỆN THANH QUAN)** |
| **VĂN BẢN 4** | **BÁNH TRÔI NƯỚC ( HỒ XUÂN HƯƠNG)** |

**ÔN TẬP VĂN BẢN 1: THU ĐIẾU ( NGUYỄN KHUYẾN)**

**HOẠT ĐỘNG 1: NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI THƠ ĐƯỜNG LUẬT QUA VĂN BẢN THU ĐIẾU ( MÙA THU CÂU CÁ)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Lệnh: Chép thuộc lòng bài thơ Thu điếu vào vở.**  **Câu hỏi:**   1. *Xác định thể thơ?* 2. *Bài Thu điếu viết bằng chữ Hán hay Nôm?* 3. *Trình bày luật đối thanh, cách gieo vần và ngắt nhịp của bài thơ.* 4. *Bài thơ làm theo luật bằng hay trắc?* 5. *Em có nhận xét gì về cách gieo vần trong 2 câu đầu?* 6. *Hãy chỉ ra tác dụng của nghệ thuật lấy động tả tĩnh trong 2 câu 3-4.*   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **Bài “Thu điếu” của Nguyễn Khuyến**  - Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật (8 câu, mỗi câu 7 chữ)  - Chữ: Nôm  - Luật đối thanh trong bài thơ:  "Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,  B B T T T B B  Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo  T T B B T T B  Sóng nước theo làn hơi gợn tí  T T B B B T T  Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo  T B T T T B B  Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt  B B B T B B T  Ngõ trúc quanh co khách vắng teo  T T B B T T B  Tựa gối buông cần lâu chẳng được  T T B B B T T  Cá đâu đớp động dưới chân bèo"  T B T T T B B   * *Đối giữa câu 3-4; câu 5-6* * Bài thơ viết theo luật bằng (chữ thứ 2 trong câu đầu sử dụng thanh bằng ) * Gieo vần “eo” ở tiếng cuối của các câu 1,2,4,6,8. * Ngắt nhịp 4/3   \* Cách gieo vần trong 2 câu đề: Có 4 tiếng gieo vần “eo”: lạnh lẽo, trong veo, tẻo teo -> Tác dụng: miêu tả không khí lạnh lẽo và không gian nhỏ hẹp tất đặc trưng của ao chuôm vùng chiêm chũng Bắc Bộ. Hai từ có vần eo được đặt trong 1 câu thơ khiến cho cảm giác về cái lạnh và sự ngưng đọng của không gian tĩnh lặng càng trở nên tuyệt đối.  \* Nghệ thuật lấy động tả tĩnh trong 2 câu thực: Tả cái động của sóng “ hơi gợn tí” và sự chuyển động của lá “ sẽ đưa vèo” càng khắc họa rõ nét hơn cái tĩnh lặng của mùa thu làng quê Việt Nam xưa. Không gian có tĩnh lặng thì người nghe mới có thể nghe thấy những âm thanh rất nhỏ, rất khẽ ấy. |

**HOẠT ĐỘNG 2. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu tri thức ngữ văn về thơ Đường luật (thể thơ, cấu trúc, niêm, luật, đối, ngôn từ....); cách đọc hiểu văn bản thơ Đường luật.

Ngữ liệu sử dụng các văn bản thơ Đường luật cả trong (bộ KNTT) và ngoài SGK.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **BÀI TẬP 1:**  **Mục tiêu:** giúp HS khắc sâucác đơn vị kiến thức cơ bản về tác phẩm đã học trong chương trình.  **Tổ chức thực hiện:** Sử dụng phiếu bài tập trắc nghiệm nhằm kích hoạt khả năng xử lí các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **BÀI TẬP SỐ 1** **Đọc kĩ bài thơ và trả lời câu hỏi:** *"*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,  Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo  Sóng nước theo làn hơi gợn tí  Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo  Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt  Ngõ trúc quanh co khách vắng teo  Tựa gối buông cần lâu chẳng được  Cá đâu đớp động dưới chân bèo*"*  **Câu 1:** Bài thơ Thu điếu được viết bằng chữ gì?  A. Chữ Hán.  B. Chữ Nôm.  C. Chữ Quốc ngữ.  D. Chữ viết khác.  **Câu 2:** Thu điếu được viết theo thể thơ nào?  A. Thất ngôn tứ tuyệt.  B. Thất ngôn bát cú.  C. Thất ngôn trường thiên.  D. Thất ngôn.  **Câu 3:** Cái gì không được miêu tả trong sáu câu thơ đầu bài Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến?  A. Bầu trời.  B. Tầng mây.  C. Mặt nước ao.  D. Âm thanh.  **Câu 4:** "Vắng teo" trong câu thơ "Ngõ trúc quanh co khách vắng teo" (Câu cá mùa thu - Nguyễn Khuyến) nghĩa là:  A. Rất vắng, không có hoạt động của con người.  B. Không có mặt ở nơi lẽ ra phải có mặt.  C. Vắng vẻ và thưa thớt.  D. Vắng vẻ và lặng lẽ.  **Câu 5:** Thủ pháp nghệ thuật đặc sắc trong hai câu cuối bài thơ *Thu điếu?*  A. Tả cảnh ngụ tình.  B. Tăng tiến.  C. Lấy động tả tĩnh.  D. Hình ảnh ước lệ, tượng trưng.  **Câu 6:** Ý nào không có trong chủ đề của bài thơ Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến?  A. Nỗi niềm u hoài của nhân vật trữ tình - tác giả.  B. Tâm hồn thanh cao của tác giả.  C. Vẻ đẹp u tĩnh của cảnh vật mùa thu.  D. Những trăn trở của tác giả trong một lần đi câu cá.  **Câu 7:** Nhà thơ đã bao quát cảnh thu như thế nào?  A. Cảnh thu được đón nhận từ cao, xa đến gần, rồi lại từ gần đến cao, xa.  B. Cảnh thu được đón nhận từ gần đến cao, xa rồi lại từ cao, xa trở lại gần.  C. Cảnh thu được đón nhận theo trình tự thời gian.  D. Cảnh thu được đón nhận từ không gian rộng đến không gian hẹp.  **Câu 8:** Giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ là:  A. Vẻ đẹp bình dị, quen thuộc của cảnh thu điển hình cho cảnh sắc mùa thu của thiên nhiên vùng đồng bằng Bắc Bộ.  B. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc trưng của văn học trung đại.  C. Bài thơ cũng cho tâm trạng thời thế của Nguyễn Khuyến: Ông bỏ lại  lối sống mưu cầu danh lợi để trở về quê sống thanh nhàn, ẩn dật.  D. Tất cả đều đúng.  **Câu 9:** Tâm trạng tác giả được thể hiện như thế nào qua hai câu thơ cuối?  A. Tác giả thấy buồn vì ngồi lâu mà không câu được cá.  B. Không gian tĩnh lặng khiến ta cảm nhận nỗi cô đơn man mác buồn, uẩn khúc trong cõi lòng thi nhân.  C. Đất nước đang bị thực dân xâm lược, lòng ông không thể ung dung đi câu cá như một ẩn sĩ thực thụ.  D. Cả B và C đều đúng.  **Câu 10:** Tác dụng của cách gieo vần “eo”:  A. Góp phần diễn tả không gian bao la, rộng lớn.  B. Góp phần diễn tả không gian gần gũi.  C. Góp phần diễn tả không gian vắng lặng, thu nhỏ dần, khép kín, phù hợp với tâm trạng uẩn khúc của thi nhân.  D. Không có đáp án nào đúng.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi trong phiếu.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi phát vấn, ghi đáp án ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời phát biểu, yêu cầu lớp nhận xét, góp ý (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **Động viên, khích lệ các hs có nhiều câu trả lời đúng.**  **BÀI TẬP 2:** **Đọc kĩ bài thơ và trả lời câu hỏi:** “Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,  Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.  Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,  Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.  Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt.  Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.  Tựa gối, ôm cần lâu chẳng được,  Cá đâu đớp động dưới chân bèo.”  (*Câu cá mùa thu*, Nguyễn Khuyến)  **Câu 1:** Bài thơ “Câu cá mùa thu” thực ra có phải nói chuyện câu cá hay không? Vì sao?  **Câu 2:**  Bài thơ “Câu cá mùa thu” được viết trong ngữ cảnh nào?  **Câu 3:** Cách gieo vần trong bài thơ “Câu cá mùa thu” có gì đặc biệt? Cách gieo vần ấy gợi cho ta cảm giác gì về cảnh thu và tình thu?  **Câu 4:** Qua bài thơ “Câu cá mùa thu”, em có cảm nhận như thế nào về tấm lòng của tác giả đối với thiên nhiên, đất nước?  **Câu 5:** Nghệ thuật của “Câu cá mùa thu” có gì đặc sắc?  **Câu 6:** Lập dàn bài cho đề văn:  Phân tích bài thơ Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **Đáp án phiếu bài tập 1**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Đáp án** | | **1** | **B** | | **2** | **B** | | **3** | **D** | | **4** | **A** | | **5** | **C** | | **6** | **D** | | **7** | **B** | | **8** | **D** | | **9** | **D** | | **10** | **C** |   **Gợi ý đáp án phiếu bài tập số 2:**  **Câu 1:** Bài thơ có nhan đề “Câu cá mùa thu” nhưng không chú ý vào việc câu cá mà chú ý đến cảnh thu: những biến đổi tinh tế của cảnh vật, để rồi từ đó thể hiện nỗi cô quạnh, uẩn khúc trong lòng nhà thơ.  **Câu 2:** Bài thơ được viết trong thời gian sau khi cáo quan về ở ẩn tại quê nhà.  **Câu 3:**Cách gieo vần “eo” độc đáo, kết hợp với những từ ngữ tăng tiến gợi lên bức tranh thu rất thơ mộng rất đặc trưng của đồng bằng Bắc Bộ: không khí trong lành, thoáng mát yên tĩnh, vắng vẻ, đẹp nhưng buồn. Bên cạnh đó còn thấy được tình thu ẩn hiện: mội nỗi đau đời của nhân vật trữ tình.  **Câu 4:** Qua bài thơ ta thấy Nguyễn Khuyến là người vô cùng yêu thiên nhiên, sống hòa mình với thiên nhiên, một con người yêu nước thầm kín- tâm trạng buồn đau trước sự thay đổi của thời cuộc.  **Câu 5:**Ngôn ngữ giản dị, trong sáng biểu hiện thần thái của sự vật       - Cách gieo vần độc đáo.        - Hình ảnh dân dã, quen thuộc nhưng giàu sức biểu cảm.  **Câu 6: Lập dàn ý cho đề văn**  **( tham khảo dàn ý bên dưới)** |

**DÀN BÀI GỢI Ý**

|  |
| --- |
| **1, Mở bài**  - Giới thiệu tác giả Nguyễn Khuyến, chùm thơ thu 3 bài của ông, bài thơ *Câu cá mùa thu.*   - Khái quát nội dung bài thơ.    - Trích dẫn bài thơ  **2, Thân bài**  **a. Khái quát đầu**  - Mùa thu là đề tài quen thuộc của thi ca. Thơ viết về mùa thu của văn học Trung đại Việt Nam thường miêu tả cảnh đẹp vắng vẻ, úa tàn và u buồn. Cảnh thu được ghi lại một cách ước lệ tượng trưng với những nét chấm phá, chớp lấy cái hồn của tạo vật. Thu điếu của Nguyễn Khuyến cũng mang nét đặc trưng của thi pháp ấy .  - Nhưng Nguyễn Khuyến được mệnh danh là nhà thơ của làng quê Việt Nam. Gần suốt đời mình , ông gắn bó với thôn quê , hòa hợp và thấu hiểu mảnh đất quê nhà. Thế nên, cảnh vật làng quê trong thơ ông hiện lên rất chân thực, giản dị, tinh tế. Đọc *Thu điếu* , ta bắt gặp một bức tranh thu đặc trưng của vùng chiêm trũng Bắc Bộ, quê hương của nhà thơ. Đấy chính là nét mới mẻ của tác phẩm so với thi pháp truyền thống của văn học Trung đại Việt Nam.  - *Thu điếu* viết bằng chữ Nôm, làm theo thể thất ngôn bát cú Đường luật. Cảnh thu được miêu tả trong hầu hết 8 câu thơ, hình ảnh con người chỉ xuất hiện trực tiếp ở hai câu cuối bài. Cảnh trong bài vẫn là trời, nước, gió,trúc – những thi liệu quen thuộc nhưng hồn thơ thì đã vượt ra khỏi khuôn sáo thi tứ cổ điển.  **b. Phân tích**  Mục tiêu: Phân tích bài thơ để thấy bức tranh mùa thu tiêu biểu cho vùng quê Bắc Bộ.   - 6 câu đầu: là một bức tranh thu có màu sắc, đường nét, dáng hình: ao thu, nước, thuyền câu, sóng biếc, lá vàng, tầng mây, trời xanh ngắt, ngõ trúc.  → Bức tranh buồn, đẹp, tĩnh lặng, thanh bình, yên ả; nét đặc trưng của mùa thu là bầu trời và chiếc lá vàng ( Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao; Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt); ngõ trúc là đặc trưng quê hương Hà Nam.  → Tâm hồn nhạy cảm, tài năng quan sát thâu cảnh vật vào tâm hồn; từ ngữ gợi cảm, tượng hình, từ láy; nghệ thuật đối câu 3,4, vần *eo* tài tình.  → Lòng yêu thiên nhiên, hòa mình thiên nhiên, cảnh vật, gắn bó cuộc sống làng quê.   - Nhận xét của Xuân Diệu: *cái thú vị của bài* Thu điếu *là ở các điệu xanh, xanh ao, xanh bờ, xanh sóng, xanh tre, xanh trời, xanh bèo, có một màu vàng đâm ngang của chiếc lá thu rơi.*   - Hai câu cuối: người đi câu cá tư thế bất động chợt giật mình trở về thực tại; tâm sự thầm kín nặng trĩu suy tư về quê hương đất nước, về trách nhiệm của bản thân đối với quê hương đất nước, một nhân cách lớn; lòng đau đớn trước cảnh mất nước, nhà tan; lòng yêu nước thầm kín mà thiết tha.  **c. Khái quát cuối**  **- Nghệ thuật**  - Sự kết hợp giữa mạch cảm xúc và mạch luận lí.  - Cách nhìn cách cảm mới và những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ.  **- Ý nghĩa bài thơ**  Quan niệm nhân sinh, quan niệm thẩm mĩ mới mẻ của Xuân Diệu – nghệ sĩ của niềm khát khao giao cảm với đời.  - Liên hệ bản thân: thêm yêu mùa thu quê hương, yêu thêm xóm thôn đồng nội, đất nước.  **3. Kết bài**  - Khái quát lại những nét đặc sắc về cảnh thu và tình thu trong tác phẩm.  - Đánh giá Nguyễn Khuyến là nhà thơ kiệt xuất đã chiếm một vị trí vẻ vang trong nền thơ ca cổ điển Việt Nam. |

* **HƯỚNG DẪN HS LÀM CÁC BÀI ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGOÀI SGK**

**ĐỀ SỐ 1**

## **Đọc kĩ bài thơ và trả lời câu hỏi dưới đây:**

*Năm gian nhà cỏ thấp le te,*

*Ngõ tối đêm sâu đóm lập loè.*

*Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt,*

*Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.*

*Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?*

*Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe.*

*Rượu tiếng rằng hay, hay chẳng mấy.*

*Độ năm ba chén đã say nhè.*

*(Thu ẩm - Uống rượu mùa thu – Nguyễn Khuyến)*

**Câu 1. Đề tài của bài thơ có nét tương đồng với đề tài của bài thơ nào sau đây:**

A. Tự tình (bài 2) – Hồ Xuân Hương

**B. Thu điếu (Câu cá mùa thu) – Nguyễn Khuyến**

C. Thuật hoài (Tỏ lòng) – Phạm Ngũ Lão

D. Bạn đến chơi nhà – Nguyễn Khuyến

**Câu 2. Những hình ảnh nào đồng thời xuất hiện cả trong bài thơ Thu ẩm và Thu điếu?**

A. Ngõ, ao, khói;

B. Nhà, ao, trăng;

**C. Ao, trời, ngõ;**

D. Thuyền, khói, mây.

**Câu 3. Những câu thơ nào miêu tả hành động của nhà thơ được gợi lên trong nhan đề?**

A. Hai câu đề;

B. Hai câu thực;

C. Hai câu luận;

**D. Hai câu kết;**

**Câu 4. Tâm trạng của Nguyễn Khuyến được thể hiện rõ nhất qua hình ảnh nào?**

**A. Hình ảnh “đôi mắt”;**

B. Hình ảnh “đêm sâu”;

C. Hình ảnh “khói nhạt”;

D. Hình ảnh “rượu”.

**Câu 5. Về thi pháp, hình ảnh trong hai câu thơ của Nguyễn Khuyến: “Năm gian nhà cỏ thấp le te – Ngõ tối đêm sâu đóm lập loè” so với hình ảnh trong câu thơ của Nguyễn Du: “Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san” có điểm gì khác biệt?**

**A. Hình ảnh trong câu thơ của Nguyễn Du mang tính ước lệ, còn hình ảnh trong thơ Nguyễn Khuyến không có ước lệ tượng trưng mà gần gũi, quen thuộc.**

B. Hình ảnh trong câu thơ của Nguyễn Du đơn điệu, chỉ có rừng phong, còn hình ảnh trong thơ Nguyễn Khuyến sinh động, phong phú hơn.

C. Hình ảnh trong câu thơ của Nguyễn Du mang gam màu nóng, sáng còn hình ảnh trong thơ Nguyễn Khuyến có gam màu lạnh, tối.

D. Hình ảnh trong câu thơ của Nguyễn Du đặt trong thời gian ban ngày còn hình ảnh trong thơ Nguyễn Khuyến đặt trong thời điểm ban đêm.

**Câu 6. Qua sự miêu tả của Nguyễn Khuyến, hình ảnh làng quê trong Thu ẩm hiện lên như thế nào?**

A. Kì vĩ, tráng lệ;

**B. Thanh bình, yên ả;**

C. Nghèo đói, xác xơ;

D. Tiêu điều, hiu hắt.

**Câu 7. Hình ảnh đôi mắt của Nguyễn Khuyến biểu đạt điều gì?**

A. Sự thờ ơ không chú tâm vào việc uống rượu;

**B. Nỗi buồn ngưng đọng thành nước mắt;**

C. Sự mệt mỏi, đau yếu của tuổi già;

D. Sự tác động của men rượu.

**Câu 8. Nhận xét bức tranh mùa thu được Nguyễn Khuyến miêu tả trong bài thơ.**

**Lời giải:**

Bức tranh mùa thu được Nguyễn Khuyến miêu tả trong bài thơ: Cảnh vừa mang nét chân thực, gần gũi của thiên nhiên, đất trời khi vào thu, vừa đẹp một vẻ đẹp huyền ảo, lung linh, mang đậm hồn thu đặc trưng của nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ; chứa đựng những nét chung của làng quê Việt Nam.

**Câu 9. “Tả cảnh ngụ tình” là bút pháp quen thuộc của thơ trung đại, được thể hiện như thế nào trong bài thơ?**

**Lời giải:**

“Tả cảnh ngụ tình” là bút pháp quen thuộc của thơ trung đại, được thể hiện trong bài thơ: Bài thơ miêu tả cảnh thu nhưng qua bức tranh phong cảnh ta nhận thấy tâm trạng u buồn của thi nhân. Cái buồn gợi lên từ thời điểm đặc biệt: Ban đêm, từ không gian u tối tĩnh mịch với ngõ tối đêm sâu, chỉ có đóm lập lòe. Cái buồn gợi lên từ màu khói nhạt phất phơ, làn ao trăng lóng lánh – cảnh nhòe mờ như nhìn qua làn nước mắt.. Đôi mắt “đỏ hoe” trong câu thơ thứ 7 thể hiện rõ nhất “tình” của người ngắm cảnh: Nỗi buồn trước thời cuộc, nỗi buồn vì cảm giác bất lực đã trào dâng thành nước mắt rưng rưng.

**ĐỀ SỐ 2:**

## **Đọc kĩ bài thơ và trả lời câu hỏi dưới đây:**

*Trời thu xanh ngắt mấy từng cao*

*Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu*

*Nước biếc trông như tầng khói phủ*

*Song thưa để mặc bóng trăng vào.*

*Mấy chùm trước giậu, hoa năm ngoái*

*Một tiếng trên không, ngỗng nước nào?*

*Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,*

*Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.*

***(Thu vịnh – Nguyễn Khuyến)***

**Câu 1. Xác định 02 phương thức biểu đạt được sử dụng trong bài thơ.**

**Đáp án:**

02 phương thức biểu đạt được sử dụng trong bài thơ:

– Miêu tả: cảnh bầu trời, mặt nước, bóng trăng, hoa, tiếng ngỗng.

– Biểu cảm: cảm xúc buồn, day dứt của Nguyễn Khuyến.

**Câu 2. Tìm trong bài thơ những hình ảnh miêu tả thiên nhiên. Nhận xét về bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong bài thơ.**

**Đáp án:**

Những hình ảnh miêu tả thiên nhiên trong bài thơ: Trời thu xanh ngắt, cần trúc lơ phơ, gió hắt hiu, nước biếc, bóng trăng, hoa, tiếng (ngỗng).

Nhận xét về bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong bài thơ: bức tranh thiên nhiên trong Thu vịnh là một bức tranh đẹp, cảnh vật hiện lên trong trẻo, sống động, màu sắc, âm thanh hài hòa, thanh sơ, dịu nhẹ. Tuy nhiên, đó cũng là một bức tranh buồn bởi cảnh đẹp mà tĩnh lặng, cảnh đẹp mà lòng người nhiều suy tư.

**Câu 3. Xác định biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ sau, nêu tác dụng:**

*Nước biếc trông như tầng khói phủ*

*Song thưa để mặc bóng trăng vào.*

**Đáp án:**

**Hai câu thơ:**

*Nước biếc trông như tầng khói phủ*

*Song thưa để mặc bóng trăng vào.*

Sử dụng biện pháp nghệ thuật:

– So sánh: nước biếc như tầng khói phủ;

– Đối: nước biếc >< song thưa; tầng khói phủ >< bóng trăng vào;

**Tác dụng:** các biện pháp nghệ thuật sử dụng trong hai câu thơ trên góp phần tạo ấn tượng về bức tranh thiên nhiên đẹp huyền ảo, thơ mộng; Đồng thời tăng tính gợi hình, tạo sự cân đối, nhịp nhàng cho lời thơ.

**Câu 4. Xác định đề tài của bài thơ? Nhận xét về đề tài mà nhà thơ lựa chọn?**

**Đáp án:**

Xác định đề tài của bài thơ: Bài thơ viết về đề tài mùa thu. Đây là đề tài quen thuộc không chỉ trong thơ trung đại mà quen thuộc đối với thơ ca mọi thời đại.

**Câu 5. Anh/chị hiểu như thế nào về nhan đề “Thu vịnh”?**

**Đáp án:**

Nhan đề “Thu vịnh” : Thu vịnh là bài thơ vịnh về mùa thu (Nguyễn Khuyến làm thơ về mùa thu), cũng có thể hiểu mà mùa thu làm thơ (Nguyễn Khuyến làm thơ vào mùa thu).

**Câu 6. Nhận xét về không gian mùa thu được biểu hiện trong 2 câu thơ:**

*Nước biếc trông như từng khói phủ*

*Song thưa để mặc bóng trăng vào.*

**Đáp án:**

Nhận xét về không gian mùa thu được biểu hiện trong 2 câu thơ:

*Nước biếc trông như từng khói phủ*

*Song thưa để mặc bóng trăng vào.*

Trước hết, hai câu thơ gợi lên một không gian đặc trưng của mùa thu với nước biếc, những làn sương mỏng bao phủ mặt nước; ánh trăng thu sáng đẹp;

Đó còn là một không gian rộng: Không gian của mặt nước, của song thưa với ánh trăng phủ vàng khắp nơi;

Không gian trong hai câu thơ trên là không gian huyền ảo: Sự huyền ảo ấy được tạo nên bởi độ nhòe mờ của tầng sương khói; bởi sự lung linh của ánh trăng thu.

**Câu 7. Cảm nhận về tâm trạng của nhân vật trữ tình được thể hiện trong bài thơ.**

**Đáp án:**

Cảnh thu đẹp, thanh sơ, yên bình nhưng đằng sau đó là nỗi buồn chất chứa trong lòng người ngắm cảnh. Người buồn nên giọng điệu thơ cũng man mác, suy tư. Mỗi dòng thơ, mỗi âm tiết thơ trong bài đều ắp đầy những băn khoăn trăn trở của cụ Tam Nguyên trước cuộc đời. Cụ xót xa cho thời cuộc, cho cảnh ngộ đất nước trong nạn xâm lăng. Cụ day dứt cho chính mình, chưa giúp gì được cho nước, cho vua đã vội “chạy làng”. Nên nghĩ tới Đào Tiềm mà cụ bỗng “thẹn” cho chính mình. Thẹn vì không có được tài thơ, không có được chí khí như Đào Tiềm.

=> Như vậy, dù cáo quan về ở ẩn, nhưng tâm hồn Nguyễn Khuyến vẫn nặng tình đời, tình người. Nỗi buồn, của thi nhân vì thế là nỗi buồn đẹp của một tâm hồn chưa khô héo, chưa phó mặc cuộc đời cho con tạo vần xoay. Qua đó, ta thấy được không chỉ tình yêu thiên nhiên mà còn là lòng yêu quê hương, đất nước. Bài thơ đã tỏa sáng vẻ đẹp nhân cách của người.

**Câu 4. Cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Khuyến thể hiện trong bài thơ.**

**Đáp án:**

Cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Khuyến thể hiện trong bài thơ:

Trước hết, trong bài thơ, ta nhận thấy Nguyễn Khuyến là người có tình yêu thiên nhiên đắm say, mãnh liệt. Yêu thiên nhiên, ông cảm nhận thiên nhiên bằng mọi giác quan và thể hiện vẻ đẹp của thiên nhiên mùa thu bằng những vần thơ đẹp, giàu hình ảnh, đậm cảm xúc của một tâm hồn nhạy cảm;

Yêu thiên nhiên chính là yêu quê hương, đất nước – đây là vẻ đẹp không chỉ trong bài thơ này mà thể hiện trong hầu hết các bài thơ của Nguyễn Khuyến. Tình yêu quê hương đất nước trong bài thơ nói riêng và trong thơ Nguyễn Khuyến nói chung không ồn ào, phô trương mà lặng lẽ, sâu sắc, mãnh liệt;

Cuối cùng, qua bài thơ, ta còn thấy ở Nguyễn Khuyến một tâm hồn nhạy cảm, nhiều suy tư, những suy tư ấy là suy tư về thời cuộc, về đất nước. Mang nặng niềm suy tư ấy, ông ngắm cảnh, làm thơ mà vẫn nghĩ về đất nước, nhân dân. Nên cái “thẹn” cuối bài thơ là nỗi thẹn của một con người luôn cảm thấy day dứt vì không có được danh khiết như bậc danh nhân xưa, không giúp ích được gì cho nhân dân, đất nước. Đó là nỗi thẹn của con người có nhân cách.

**ÔN TẬP VĂN BẢN 2: QUA ĐÈO NGANG ( BÀ HUYỆN THANH QUAN)**

**HOẠT ĐỘNG 1: NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI THƠ ĐƯỜNG LUẬT QUA VĂN BẢN: QUA ĐÈO NGANG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu:** HS nhận diện đặc điểm của thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật qua bài *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  **- GV yêu cầu HS:** đọc thuộc lòng bài Qua Đèo Ngang.  **- GV phát vấn câu hỏi.**  + Em biết gì về tác giả?  + Qua đèo Ngang thuộc thể loại thơ gì?  + Em hãy chỉ ra các đặc điểm của thể thơ qua bài*Qua Đèo Ngang.*  *( GV phát phiếu học tập để HS chỉ ra đặc điểm thơ )*   * HS tiếp nhận nhiệm vụ   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | 1. **Thông tin về tác giả:**   - Bà Huyện Thanh Quan tên thật là Nguyễn Thị Hinh, sống ở thế kỉ XIX, chưa rõ năm sinh năm mất.  - Quê ở làng Nghi Tàm nay thuộc quận Tây Hồ, Hà nội.  - Chồng bà làm tri huyện Thanh Quan (thuộc Thái Ninh), tỉnh Thái Bình, do đó mà có tên gọi Bà Huyện Thanh Quan.  - Bà là một trong số nữ sĩ tài danh hiếm có trong lịch sử phong kiến Việt Nam.  - “Qua Đèo Ngang” là một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật (gồm 8 câu, mỗi câu 7 chữ).  + Vần được gieo ở tiếng cuối các câu: 1, 2, 4, 6, 8. Gieo vần “a”.  + Trong bài thơ, câu 3 đối với câu 4, câu 5 đối với câu 6.  + Phép đối:  Câu 3 và câu 4:  *lom khom* đối với *lác đác*  *dưới núi* đối với *bên sông*  *tiều vài chú* đối với *chợ mấy nhà*     Đối ở câu 5 và 6  *nhớ nước* đối với *thương nhà*  *đau lòng* đối với *mỏi miệng*  *con quốc quốc* đối với *cái gia gia*  + Đối theo luật BT  Bước tới đèo Ngang bóng xế tà  B T B B T T B  Cỏ cây chen đá lá chen hoa  T B B T T B B  Lom khom dưới núi tiều vài chú  B B T T B B T  Lác đác bên sông chợ mấy nhà  T T B B T T B  Nhớ nước đau lòng con quốc quốc  T T B B B T T  Thương nhà mỏi miệng cái gia gia  B B T T T B B  Dừng chân đứng lại trời, non, nước  B B T T B B T  Một mảnh tình riêng ta với ta  T T B B B T B |

**HOẠT ĐỘNG 2. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu tri thức ngữ văn về thơ Đường luật (thể thơ, cấu trúc, niêm, luật, đối, ngôn từ....); cách đọc hiểu văn bản thơ Đường luật.

Ngữ liệu sử dụng các văn bản thơ Đường luật cả trong (bộ KNTT) và ngoài SGK.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **BÀI TẬP 1:**  **Mục tiêu:** giúp HS khắc sâucác đơn vị kiến thức cơ bản về tác phẩm đã học trong chương trình.  **Tổ chức thực hiện:** Sử dụng phiếu bài tập trắc nghiệm nhằm kích hoạt khả năng xử lí các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * **GV PHÁT PHIẾU BÀI TẬP SỐ 1** * **HS TIẾP NHẬN NHIỆM VỤ**   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * **GV PHÁT PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2**   **Câu1:** Cảnh tượng Đèo Ngang được miêu tả ở thời điểm nào trong ngày? Thời điểm đó có lợi thế gì trong việc bộc lộ tâm trạng tác giả?   * **HS TIẾP NHẬN NHIỆM VỤ**   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **BÀI TẬP 1:**  **Lựa chọn một chữ cái là đáp án đúng nhất cho những câu hỏi sau:**  **Câu 1:** Tác phẩm Qua đèo Ngang viết theo thể thơ gì?   1. Song thất lục bát. 2. Lục bát. 3. Thất ngôn tứ tuyệt. 4. Thất ngôn bát cú.   **Câu 2:** Ai là tác giả của bài thơ Qua đèo Ngang?   1. Hồ Xuân Hương. 2. Bà Huyện Thanh Quan. 3. Nguyễn Khuyến. 4. Nguyễn Du.   **Câu 3:** Bài thơ Qua đèo Ngang được miêu tả vào thời điểm nào trong ngày?   1. Buổi sáng sớm. 2. Buổi trưa. 3. Buổi xế chiều. 4. Đêm khuya.   **Câu 4:** Nghệ thuật nổi bật trong câu thơ 3 – 4 là gì?   1. So sánh. 2. Nhân hóa. 3. Đảo ngữ. 4. Điệp ngữ.   **Câu 5:** Từ nào dùng để diễn tả cảnh heo hút, hoang vắng của đèo Ngang?   1. Lác đác. 2. Lom khom. 3. Quốc quốc. 4. Gia gia.   **Câu 6:** Các từ nào dưới đây là tự tượng thanh diễn tả tâm trạng của tác giả về nỗi nhớ nước thương nhà?   1. Lom khom. 2. Quốc quốc, gia gia. 3. Lác đác. 4. Tất cả các đáp án trên đều đúng.   **Câu 7:** Bài thơ Qua đèo Ngang gieo vần gì?   1. Vần “uôc”. 2. Vần “ươc”. 3. Vần “oa”. 4. Vần “a”.   **Câu 8:** Bài thơ viết bằng chữ gì?   1. Chữ quốc ngữ. 2. Chữ Hán. 3. Chữ Nôm. 4. Tất cả các đáp án trên đều sai.   **Câu 9:** Thơ thất ngôn bát cú là thể thơ có đặc điểm gì?   1. Gồm 4 câu, mỗi câu 7 chữ. 2. Gồm 8 câu, mỗi câu 7 chữ. 3. Gồm 4 câu, mỗi câu 8 chữ. 4. Gồm 8 câu, mỗi câu 4 chữ.   **Câu 10:** Bài thơ được viết trong hoàn cảnh nào?   1. Khi Bà Huyện Thanh Quan vào Huế nhậm chức. 2. Khi Bà Huyện Thanh Quan đi xa nhà. 3. Khi Bà Huyện Thanh Quan trên đường về quê. 4. Khi Bà Huyện Thanh Quan trên đường đi du ngoạn đất nước.   **Câu 11:** Cảnh đèo Ngang hiện lên như thế nào trong hai câu thơ đầu?   1. Hoang vắng, buồn bã. 2. Tươi tắn, sinh động. 3. Phong phú, đầy sức sống. 4. Um tùm, rậm rạp.   **Câu 12:** Tâm trạng của Bà Huyện Thanh Quan được bộc lộ như thế nào qua bài thơ?   1. Yêu say mê vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước. 2. Đau xót, ngậm ngùi trước sự đổi thay của quê hương. 3. Cô đơn trước thực tại, da diết nhớ về quá khứ của đất nước. 4. Buồn đau da diết khi phải sống trong cảnh cô đơn.   **Câu 13:** Bài thơ có phương thức biểu đạt chủ yếu là gì?   1. Tự sự. 2. Biểu cảm. 3. Nghị luận. 4. Miêu tả.   **Câu 14:** Trong 4 câu đầu bài thơ, khung cảnh hiện lên như thế nào?   1. Đèo Ngang rất hùng vĩ. 2. Đèo Ngang tràn đầy sức sống. 3. Thiên nhiên đèo Ngang sống động, um tùm, con người thì thưa thớt. 4. Đèo Ngang rất vắng vẻ, thiên nhiên và con người đều mang sắc thái buồn.   **Câu 15:** Nội dung chính của bài thơ là gì?   1. Cảnh tượng đèo Ngang heo hút, hoang vắng và nỗi nhớ nước thương nhà tha thiết của tác giả. 2. Cảnh đèo Ngang đẹp, heo hút, hoang sơ. 3. Con người ở đèo Ngang ít ỏi, thưa thớt. 4. Tất cả các đáp án trên đều đúng.   **Câu 16:** Tác dụng của biện pháp tu từ trong câu 3 – 4 là gì?   1. Tạo nhịp điệu buồn bã cho bài thơ. 2. Nhấn mạnh vào sự thưa thớt, vắng vẻ, ít ỏi, nhỏ bé của sự sống nơi đèo Ngang. 3. Thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn tẻ của nhân vật trữ tình. 4. Tất cả các đáp án trên đều đúng.   **Câu 17:** Câu thơ cuối thể hiện tâm trạng gì của nhà thơ?   1. Căm giận. 2. Vui sướng, tự hào. 3. Buồn man mác, cô đơn. 4. Hào hứng.   **Câu 18:** Việc tác giả chọn cách bộc lộ mảnh tình riêng giữa trời đất bao la của đèo Ngang có tác dụng gì?   1. Nhấn mạnh sự nhỏ bé, cô độc của con người giữa không gian bao la, rộng lớn của đèo Ngang. 2. Nhấn mạnh không gian bao la, rộng lớn, thiếu vắng sự sống của con người của đèo Ngang. 3. A, B đúng. 4. A, B sai.   **Câu 19:** Đâu là những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ?   1. Biện pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc. 2. Sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ. 3. Âm điệu trầm lắng. 4. Tất cả các đáp án trên đều đúng.   **Câu 20:** Đâu **không phải** là cách gọi khác của con quốc quốc?   1. Chim đỗ quyên. 2. Chim vành khuyên. 3. Chim cuốc. 4. Con cuốc cuốc.   **Câu 21:** Nguyễn Thị Hinh là tên thật của nhà thơ nào dưới đây?   1. Hồ Xuân Hương. 2. Bà Huyện Thanh Quan. 3. Đoàn Thị Điểm. 4. Xuân Quỳnh.   **Câu 22:** Hiện Bà Huyện Thanh Quan còn bao nhiêu bài thơ?   1. 3 bài. 2. 4 bài. 3. 5 bài. 4. 6 bài.   **Câu 23:** Bà Huyện Thanh Quan sống vào thế kỉ bao nhiêu?   1. Thế kỉ XIX. 2. Thế kỉ XVIII. 3. Thế kỉ XX. 4. Thế kỉ XVII.   **Câu 24:** Đèo Ngang thuộc khu vực nào?   1. Nơi giáp ranh giữa thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Bình. 2. Nơi giáp ranh giữa hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh. 3. Đà Nẵng. 4. Quảng Bình.   **Câu 25:** Tác phẩm nào sau đây **không phải** của Bà Huyện Thanh Quan?   1. Thăng Long thành hoài cổ. 2. Qua chùa Trấn Bắc. 3. Chiều hôm nhớ nhà. 4. Long thành cầm giả ca.   **PHIẾU BÀI TẬP TỰ LUẬN NGẮN**  ***Gợi ý:***  Cảnh tượng đèo Ngang được miêu tả vào thời điểm *bóng xế tà*.  - Tác dụng: *bóng xế tà* (bóng chiều) là một khoảng thời gian nghệ thuật rất quen thuộc trong thơ trung đại, đồng thời cũng là nét đặc trưng trong phong cách thơ của Bà Huyện Thanh Quan. Thời gian trong câu thơ được nhắc tới là buổi chiều nhưng không phải là lúc đầu hôm mà là chiều tà, đây thời điểm chuyển giao giữa chiều và tối, ánh nắng chỉ còn nhạt nhòa và sắp lặn. Đây cũng là quãng thời gian rảnh rỗi nhất trong ngày, là thời điểm của gặp gỡ, đoàn tụ, trở về (con chim dáo dát bay về tổ, thủy triều cũng vội vã về với biển, con người cũng trở về với mái ấm, chỗ dựa của lòng mình là tình yêu và tình cảm gia đình). Có lẽ vì thế, người xưa khi nói về tâm sự, nỗi buồn thường mượn cảnh để ký thác, đặc biệt là hình ảnh bóng chiều và lời thơ “ Bước tới đèo Ngang bóng xế tà” vang lên như mang theo cả một khoảng trời nhớ thương nhức buốt, là những khoảng trống vô hình, là những lời tâm sự thiết tha chân tình của kẻ lữ thứ xa quê.  **Câu 2: Phân tích tác dụng của việc sử dụng nghệ thuật đảo ngữ và các từ láy: *lác đác, lom khom* trong 2 câu 3-4 của bài thơ.**  ***Gợi ý:***     Trong hai câu thơ : “Lom khom dưới núi tiều vài chú/ Lác đác bên sông chợ mấy nhà” tác giả đã rất khéo léo khi sử dụng nghệ thuật đảo ngữ và các từ láy *lom khom, lác đác* nhằm mang lại giá trị biểu cảm cao cho bài thơ. Theo cách diễn đạt thông thường, hai câu thơ trên phải được viết là: Vài chú tiều lom khom dưới núi (hoặc: Vài chú tiều dưới núi lom khom), Mấy nhà chợ lác đác bên sông (hoặc: Mấy nhà chợ bên sông lác đác). Nhưng viết như vậy không tạo được ấn tượng bằng cách diễn đạt mà Bà Huyện Thanh Quan đã chọn. “Lom khom” là từ láy tượng hình gợi tư thế cúi người nhưng luôn luôn nhấp nhô chuyển động. Đó là động tác cúi nhặt củi của người tiều phu. Nó gợi lên hình ảnh đời sống lam lũ, vất vả suốt đời “bán mặt cho đất bán lưng cho trời” của người lao động.Từ “lác đác” cũng có sức gợi tinh tế như thế. Nó chỉ sự vắng vẻ, thưa thớt, bé nhỏ, thậm chí tiêu điều hoang vắng mà ở đây là mấy nhà chợ. Như ta đã biết, chợ búa là nơi tập trung buôn bán, thể hiện đời sống kinh tế của người dân, chợ vắng vẻ nghĩa là nơi ấy nghèo đói, lam lũ lắm. Điều đặc biệt là hai từ láy tượng hình ấy lại được đảo lên đầu câu thơ có tác dụng nhấn mạnh vào sự vất vả, lam lũ, đói nghèo của người dân vùng Đèo Ngang. |

* **HƯỚNG DẪN HS LÀM CÁC BÀI ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGOÀI SGK**

**ĐỀ SỐ 1**

## **Đọc kĩ bài thơ sau và thực hiện theo các yêu cầu:**

**CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ**

*“Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn,*

*Tiếng ốc xa đưa vẳng trống dồn.*

*Gác mái, ngư ông về viễn phố,*

*Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.*

*Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,*

*Dặm liễu sương sa khách bước dồn.*

*Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ,*

*Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?”.*

**Chọn 1 đáp án đúng nhất để trả lời cho các câu hỏi sau:**

**Câu 1. Về thể loại, bài thơ Chiều hôm nhớ nhà – Bà Huyện Thanh Quan giống bài thơ nào sau đây?**

A. Tự tình 2 – Hồ Xuân Hương

B. Bánh trôi nước – Hồ Xuân Hương

C. Tỏ lòng – Phạm Ngũ Lão

D. Rằm tháng giêng – Hồ Chí Minh

**Đáp án đúng:** **A –** Tự tình 2 – Hồ Xuân Hương cùng thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

**Câu 2. Dòng nào nêu đúng đặc điểm về vần trong bài thơ trên:**

A. Bài thơ gieo vần trắc ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8

B. Bài thơ gieo vần bằng – trắc bằng hoặc trắc – bằng – trắc ở các tiếng 2, 4, 6 trong mỗi câu

C. Từng cặp câu: Câu 2 – câu 3, câu 4 – câu 5, câu 6 – câu 7, câu 1 câu 8 vần với nhau.

D. Bài thơ gieo vần bằng, độc vận, vần gieo ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8.

**Đáp án đúng:** **D –** Bài thơ gieo vần bằng, độc vận, vần gieo ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8: Hôn – dồn – thôn – dồn – ôn.

**Câu 3. Bài thơ nào sau đây có nét tương đồng về thời gian nghệ thuật với bài Chiều hôm nhớ nhà:**

A. Câu cá mùa thu – Nguyễn Khuyến

B. Cảm xúc mùa thu – Đỗ Phủ

C. Tự tình bài 2 – Hồ Xuân Hương

D. Tỏ lòng – Phạm Ngũ Lão

**Đáp án đúng:** **B –** Cảm xúc mùa thu – Đỗ Phủ – thời gian nghệ thuật đều là buổi chiều (*Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn/ Bạch Đế thành cao cấp mộ châm* ).

**Câu 4. Hình ảnh miêu tả trong hai câu thơ Gác mái, ngư ông về viễn phố – Gõ sừng, mục tử lại cô thôn biểu đạt được điều gì?**

A. Hình ảnh ông ngư gác mài chèo về bến xa, chú mục đồng gõ sừng (trâu) về thôn xóm đã gợi lên cuộc sống thảnh thơi, an nhàn của những người dân quê.

B. Hình ảnh ông ngư gác mài chèo về bến xa, chú mục đồng gõ sừng (trâu) về thôn xóm đã gợi lên nhịp sống đều đều buồn tẻ của những người dân quê.

C. Những hình ảnh bình dị của người dân lao động nơi thôn quê đã khơi dậy nỗi nhớ nhà, nhớ quê trong lòng người khách tha phương.

D. Những hình ảnh bình dị của người dân lao động nơi thôn quê đã khơi dậy nỗi xót xa cho hoàn cảnh li tán của chính mình trong lòng người lữ khách.

**Đáp án đúng:** **C –** Những hình ảnh bình dị của người dân lao động nơi thôn quê đã khơi dậy nỗi nhớ nhà, nhớ quê trong lòng người khách tha phương.

**Câu 5. Cùng viết về sự tác động của ngoại cảnh đến tâm trạng, cảm xúc chủ thể trữ tình, hai câu Gác mái, ngư ông về viễn phố – Gõ sừng, mục tử lại cô thôn có nét tương đồng với những câu thơ nào sau đây:**

A. Xiên ngang mặt đất rêu từng đám – Đâm toạc chân mây đá mấy hòn;

B. Lạnh lùng giục kẻ tay dao thước – Thành Bạch chày vang bóng ác tà;

C. Sóng biếc theo làn hơi gợn tí – Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo;

D. Buồn trông gió cuốn mặt duềnh – Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

**Đáp án đúng:** **B –** *Lạnh lùng giục kẻ tay dao thước – Thành Bạch chày vang bóng ác tà:* Đỗ Phủ nghe những âm thanh gợi cảnh người dân rộn ràng may áo ấm, giặt giũ quần áo ấm mà chạnh nhớ nhà, nhớ quê hương; Đó cũng là tâm trạng bà Huyện Thanh Quan khi chứng kiến cảnh sống bình dị của người dân thôn quê.

**Câu 6. Dòng nào nêu cách hiểu chưa đúng về nội dung hai câu thơ: “Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi – Dặm liễu sương sa khách bước dồn” :**

A. Hai câu thơ gợi lên hình ảnh ngàn mai xào xạc trong gió cuốn, cánh chim mỏi mệt bay về rừng tìm tổ. Sương sa mù mịt dặm liễu, trên con đường sương gió lạnh lẽo ấy chỉ có người lữ khách, một mình một bóng đang bước đi vội vã.

B. Hai hình ảnh “chim bay mỏi” và “khách bước dồn” là hai nét vẽ đăng đối, đặc tả sự mỏi mệt, cô đơn của con người phải tha phương nơi đất khách.

C. Hai câu thơ được viết nên từ tâm trạng bơ vơ, lạc lõng, từ những trải nghiệm của một con người đã sống những khoảnh khắc hoàng hôn nơi đất khách.

D. Hình ảnh trong hai câu thơ mang đậm tính tượng trưng, ước lệ của thơ cổ điển.

**Đáp án đúng:** **D** – Hình ảnh tượng trưng ước lệ là phương diện nghệ thuật biểu hiện (không phải nội dung).

**Câu 7. Nét đặc sắc về nghệ thuật trong hai câu cuối: Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ – Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn là:**

A. Phép tiểu đối trong câu trên và sử dụng câu hỏi tu từ trong câu dưới nhấn mạnh hoàn cảnh li biệt và nỗi cô đơn trong lòng người lữ khách.

B. Sử dụng điển cố Chương Đài giúp lời thơ thêm hàm súc.

C. Sử dụng từ Hán Việt trang trọng, cổ điển.

D. Cả A, B, C

**Đáp án đúng:** **D –** Cả A, B, C đều là nghệ thuật biểu hiện của hai câu thơ cuối, góp phần biểu đạt tình cảnh ly biệt, tâm trạng bơ vơ của người khách xa quê.

**Câu 8. Em hãy nhận xét về điểm khác biệt trong ngôn ngữ thơ của Bà Huyện Thanh Quan trong bài thơ này với ngôn ngữ thơ của Hồ Xuân Hương trong bài Tự tình 2.**

**Lời giải:**

Điểm khác biệt trong ngôn ngữ thơ của Bà Huyện Thanh Quan trong bài thơ này với ngôn ngữ thơ của Hồ Xuân Hương trong bài *Tự tình 2*:

– Ngôn ngữ thơ của Bà Huyện Thanh Quan trong bài thơ mang vẻ đẹp cổ điển trang nhã. Ấn tượng đó được tạo nên bởi những từ Hán Việt được sử dụng nhiều: *hoàng hôn, ngư ông, viễn phố, mục tử, cô thôn, mai, liễu, Chương Đài, lữ thứ, hàn ôn* .

– Ngôn ngữ thơ của Hồ Xuân Hương trong bài *Tự tình 2* mang vẻ đẹp vừa tự nhiên, dân dã vừa độc đáo, cá tính qua việc bà sử dụng chủ yếu là các từ thuần Việt (*văng vẳng, trơ, cái, nước non, chén rượu, vầng trăng, bóng xế, khuyết, tròn, mảnh tình, san sẻ, tí con con* ) cùng các động từ mạnh: *xiên ngang, đam toạc*

**Câu 9. Em hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thực và hai câu luận.**

**Lời giải:**

– Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thực và hai câu luận: Phép đối: Gác mái >< Gõ sừng; ngư ông >< mục tử; về viễn phố >< lại cô thôn.

Ngàn mai >< Dặm liễu; gió cuốn >< sương sa; chim bay mỏi >< khách bước dồn.

– Tác dụng: Miêu tả cuộc sống bình yên nơi thôn quê, gợi lên tâm trạng bơ vơ, lạc lõng của người khách tha phương. Tạo sự cân xứng, hài hòa cho lời thơ.

**Câu 10. Cảm nhận của em về tâm trạng của chủ thể trữ tình được thể hiện trong bài thơ trên.**

**Lời giải:**

Tâm trạng của chủ thể trữ tình được thể hiện trong bài thơ trên:

Thơ của Bà Huyện Thanh Quan phảng phất niềm hoài cổ hoặc nỗi buồn li biệt. Bài Chiều hôm nhớ nhà nằm trong chùm thơ mà Bà Huyện Thanh Quan sáng tác trong những tháng ngày nữ sĩ vào kinh đô Huế nhận chức nữ quan trong triều Nguyễn. Xa quê hương, xa gia đình, nỗi nhớ nhà da diết khiến bà không yên lòng khi nghe tiếng tù và gọi hoàng hôn về. Buổi chiều thường gợi thương gợi nhớ. Cảnh hoàng hôn đất khách đã gieo khơi sâu thêm nỗi nhớ ấy. Nhất là khi chứng kiến cảnh lão ngư gác mái chèo xuôi về bến xa, chú bé chăn trâu gõ sừng trở về thôn vắng. Nhịp sinh hoạt thường nhật cuối ngày với các hoạt động “về”, “lại” khiến nữ sĩ cảm thấy chạnh lòng. Ai cũng đang mải miết trở về, còn mình thì quê nhà mỗi lúc một cách xa.. Cảm giác cô đơn nhuốm cả vào những câu thơ tả cảnh cánh chim, dặm liễu. Chúng cũng như mỏi mệt, hiu hắt bởi mang tâm trạng của con người. Cảm xúc như vỡ òa trong hai câu kết. Phép tiểu đối trong câu thứ bảy và sử dụng câu hỏi tu từ trong câu cuối nhấn mạnh hoàn cảnh li biệt và nỗi cô đơn, trống vắng đến tận cùng trong lòng người lữ khách.

**Đề số 2**

**Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:**

**CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ**

*Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,*  
*Tiếng ốc xa đưa lẩn trống đồn.*  
*Gác mái, ngư ông về viễn phố,*  
*Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.*  
*Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,*  
*Dặm liễu sương sa khách bước dồn.*  
*Kẻ chốn trang đài, người lữ thứ,*  
*Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?*

*(Bà Huyện Thanh Quan, Dẫn theo SGK Văn 8 NXBGD)*

**Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 8:**

**Câu 1: Bài thơ được viết theo thể thơ nào?**

A.Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

B. Thất ngôn bát cú Đường luật

C. Ngũ ngôn

D. Lục bát

**Đáp án đúng:** **B** – Bài thơ được viết theo thể Thất ngôn bát cú Đường luật

**Câu 2: Bài thơ được gieo vần gì?**

A.Vần lưng

B. Vần chân

C. Vần liền

D. Vần cách

**Đáp án đúng:** **B** – Bài thơ được gieo vần chân: “hoàng hôn, trống dồn,…”

**Câu 3: Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ là gì?**

A.Vui mừng, phấn khởi

B. Xót xa, sầu tủi

C.  Buồn, ngậm ngùi

D. Cả ba phương án trên

**Đáp án đúng:** **C** – Nhân vật trong bài thơ mang tâm trạng buồn, ngậm ngùi khi nhớ về quê nhà.

**Câu 4: Bài thơ sử dụng phương thức biểu đạt nào?**

A.Nghị luận kết hợp biểu cảm

B. Biểu cảm kết hợp tự sự

C. Miêu tả kết hợp tự sự

D. Biểu cảm kết hợp miêu tả

**Đáp án đúng:** **D** – Bài thơ sử dụng phương thức biểu đạt biểu cảm kết hợp miêu tả (thể hiện tâm trạng nhân vật trữ tình kết hợp với miêu tả cảnh vật để làm nổi bật tâm trạng ấy)

**Câu 5: Nội dung của bài thơ là gì?**

A. Tâm trạng buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái của  người lữ  khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết.

B. Tâm trạng hân hoan, vui sướng khi nhớ về quê nhà

C. Nhớ tiếc một thời vàng son của Thăng Long cũng là trở về cội nguồn của dân tộc, tự hào về sức sống và nền văn hiến Đại Việt

D. Hoài niệm về những tàn dư thủa trước

**Đáp án đúng:** A – Nội dung của bài thơ: Tâm trạng buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái của người lữ khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết.

**Câu 6: Nhận định nào sau đây đúng nhất về thơ của Bà Huyện Thanh Quan?**

A.Trang nhã, đậm chất bác học và thấm đẫm niềm hoài cổ.

B.Trẻ trung, mạnh mẽ đầy hơi thở dân gian.

C. Ngôn ngữ bình dị, gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày.

D.Trang nhã, đậm chất bác học.

**Đáp án đúng:** **A** – Nhận định đúng khi nói về thơ của Bà Huyện Thanh Quan: Trang nhã, đậm chất bác học và thấm đẫm niềm hoài cổ.

**Câu 7: Em có nhận xét gì về nghệ thuật đặc sắc của bài thơ Chiều hôm nhớ nhà?**

A. Kết cấu bài thơ phù hợp với tâm trạng chủ thể trữ tình

B. Thủ pháp nghệ thuật phóng đại được sử dụng hiệu quả

C. Lời thơ trang nhã, sử dựng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ

D. Ngôn ngữ thơ Nôm bình dị, hình ảnh gợi cảm, giàu màu sắc, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc

**Đáp án đúng: C** – Bài thơ Chiều hôm nhớ nhà mang lời thơ trang nhã, sử dựng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ

**Câu 8: Căn cứ vào nội dung bài thơ cho thấy rõ nhất điều gì ở nhân vật trữ tình?**

A. Lòng tự trọng

B. Yêu nhà, yêu quê hương

C. Sự hoài cổ

D. Cả ba ý trên

**Đáp án đúng:** **B** – Bài thơ đã làm nổi bật tình yêu nhà, yêu quê hương của tác giả

**Câu 9: Việc sử dụng nhiều từ Hán Việt mang lại giá trị lớn cho bài thơ. Hãy phân tích điều đó qua đoạn văn (5 – 7 dòng).**

**Lời giải:**

Giá trị của việc sử dụng từ Hán Việt trong bài thơ:

– Yếu tố từ Hán Việt trong hai bài thơ đã thực sự mang lại cho người đọc một sự cảm nhận tinh tế về tình cảm, nỗi niềm, tài năng và nhân cách của bà Huyện Thanh Quan.

– Điều đáng nói ở đây không phải là sự xuất hiện nhiều từ Hán Việt trong bài thơ một cách điêu luyện đã làm nên giá trị nghệ thuật đích thực cho toàn thi phẩm, gợi cho thi phẩm vẻ đẹp của sự tao nhã, đài các, thanh cao.

**Câu 10: Từ nội dung của bài thơ, em hãy nêu rõ vai trò của quê hương đối với mỗi người. (Trả lời khoảng 5-7 dòng)**

**Lời giải:**

– Quê hương chính là nơi chôn nhau cắt rốn của ta, là nơi nuôi ta lớn lên với biết bao kỉ niệm chẳng thể phai nhòa.

– Quê hương dạy ta biết lớn khôn và trưởng thành dần từ những ngây thơ, vụng dại của ngày bé. Quê hương cho ta những năm tháng tuổi thơ tuyệt vời mà suốt hành hình trình trưởng thành ta không bao giờ tìm lại được.

– Quê hương ấy, những con người quen thuộc ấy sẽ theo dấu chân ta trên suốt quãng đời của mình và rồi trở thành dòng suối mát lành tắm mát và gột rửa tâm hồn ta trước những muộn phiền, lo toan của cuộc sống.

**Đề số 3**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:**

**CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ**

*Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,*  
*Tiếng ốc xa đưa lẩn trống đồn.*  
*Gác mái, ngư ông về viễn phố,*  
*Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.*  
*Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,*  
*Dặm liễu sương sa khách bước dồn.*  
*Kẻ chốn trang đài, người lữ thứ,*  
*Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?*

*(Bà Huyện Thanh Quan, Dẫn theo SGK Văn 8 NXBGD)*

**Câu 1: Bài thơ trên thuộc thể thơ gì?**

**Lời giải:**

Bài thơ thuộc thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật

**Câu 2: Tìm 2 từ Hán Việt có trong bài thơ**

**Lời giải:**

Hai từ Hán – Việt có trong bài thơ là:

1. ngư ôn
2. cô thôn
3. lữ thứ
4. viễn phố

**Câu 3: Nêu nội dung chính của bài thơ?**

**Lời giải:**

Nội dung chính của bài thơi nói về tâm trạng của người con xa quê và nỗi nhớ quê hương

**Câu 4: Viết đoạn văn (từ 5-7 câu) trình bày suy nghĩ của em về tâm trạng nhớ nhà của bà Huyện Thanh Quan qua bài thơ trên.**

**Lời giải:**

Trong Chiều hôm nhớ nhà, tâm trạng của Bà Huyện Thanh Quan được bộc lộ rõ nét. Chỉ một áng mây, một góc quan sát nhưng nhà thơ lại có vô vàn những xúc cảm. Từ âm thanh đến hình ảnh, tất cả đều chứa chan những nỗi niềm, tâm trạng của con người. Nhân vật trữ tình tự ý thức mình là một người “lữ thứ’, một người xa nhưng lòng luôn không nguôi nhớ nhung. Ẩn chứa trong dòng thơ là niềm nhung nhớ quê hương, là niềm khao khát hướng về từng hình ảnh bình dị nơi quê nhà.

**Đề số 4**

**Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:**

**CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ**

*Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,*  
*Tiếng ốc xa đưa lẩn trống đồn.*  
*Gác mái, ngư ông về viễn phố,*  
*Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.*

*(Bà Huyện Thanh Quan, Dẫn theo SGK Văn 8 NXBGD)*

**Câu 1: Đọc đoạn thơ trên gợi cho em nhớ tới bài thơ nào cũng của Bà Huyện Thanh Quan? Hãy chép chính xác bài thơ và cho biết hoàn cảnh sáng tác bài thơ em vừa chép.**

**Lời giải:**

Đọc đoạn thơ trên gợi cho em nhớ tới bài thơ Qua đèo ngang.

*Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà,*

*Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.*

*Lom khom dưới núi, tiều vài chú,*

*Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.*

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,*

*Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.*

*Dừng chân đứng lại trời, non, nước,*

*Một mảnh tình riêng ta với ta*

=> Hoàn cảnh sáng tác : khi bà được mời vào kinh đô Huế giữ chức Cung Trung giáo tập để dạy học cho công chúa và cung phi.

**Câu 2: Hãy tìm đại từ trong bài thơ em vừa chép và phân loại đại từ đó?**

**Lời giải:**

Đại từ: ta (dùng để xưng hô)

Tuy nhiên chữ ta cuối cùng với vẫn là dùng để xưng hô.

**Câu 3: Nêu tác dụng của từ láy được dùng trong hai câu thơ sau:**

*“Lom khom dưới núi tiều vài chú*

*Lác đác bên sông chợ mấy nhà”*

**Lời giải:**

Tác dụng của từ láy giúp câu thơ có vần, có nhịp điệu, đồng thời tạo ra khung cảnh hẻo lánh, cô đơn .

**Câu 4: Từ bức tranh thiên nhiên trong bài thơ em tìm được ở câu 1, hãy viết đoạn văn (8-10 câu ) nêu cảm nghĩ của em về tình yêu quê hương đất nước , từ đó cho biết em cần làm gì để bồi dưỡng tình yêu quê hương. Trong đoạn văn có sử dụng một cặp từ đồng nghĩa và trái nghĩa (gạch chân, chú thích).**

**Lời giải:**

Ngay từ khi sinh ra, ai cũng có cho mình một quê hương. Cho dù quê hương ấy có lớn hay nhỏ, trù phú hay nghèo nàn thì trong chúng ta vẫn luôn ghi nhớ, khắc sâu trong tim hình ảnh quê hương thân thuộc ấy. Bởi quê hương chính là nơi gắn bó với chúng ta suốt một thời thơ ấu là nơi nuôi chúng ta lớn từ những hạt gạo ngọt thơm, củ khoai thơm phức. Rồi cũng tại quê hương, ta có nhiều kỉ niệm thân thương. Đó là kỉ niệm cùng lũ bạn chăn trâu, hát hoa trong buổi chiều cùng tiếng sáo vi vu, hay được chứng kiến cảnh cả đồng lúa một màu vàng tươi thật đẹp, hay mỗi khi Tết đến, cả xóm lại tụ họp một nơi cùng nhau làm bánh chưng để ăn. Chao ôi! Cái mùi thơm của của lá cùng với mùi tiêu và mùi thịt lợn luôn khiến cho ta cảm thấy thèm thuồng.

Cứ như vậy, quê hương đã gắn bó với ta không biết qua bao cái Tết. Nhưng rồi khi ta lớn lên, trưởng thành, ta sẽ có cuộc sống riêng ở nơi thành thị ồn ào. Những lo âu, suy tư cứ bủa vây ta khiến ta mệt mỏi. Lúc đó, ta thật muốn về với quê mẹ, trải nghiệm những thứ mà hồi bé ta hay làm. Quê hương thật có ý nghĩa. Ta nên biết **yêu** quê hương, đừng **ghét** quê hương. Bởi nếu không có quê hương thì ta sẽ không có được những kỉ niệm tốt, tuyệt vời…

Từ trái nghĩa: yêu, ghét.

**Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

BÁNH TRÔI NƯỚC

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn*

*Bảy nổi ba chìm với nước non*

*Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn*

*Mà em vẫn giữ tấm lòng son.*

I-ĐỌC HIỂU

Câu 1. Bài thơ trên làm theo thể thơ gì?

Câu 2. Ai là tác giả của bài thơ?

Câu 3. Tìm đại từ trong bài thơ? cho biết đại từ đó thuộc loại nào?

Câu 4. Tìm 2 quan hệ từ có trong bài thơ trên.

II-TẬP LÀM VĂN

Qua bài thơ *Bánh trôi nước* em viết 1 đoạn văn ngắn 5 đến 7 dòng nêu cảm nghĩ của mình về thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ.

**GỢI Ý:**

I/ Đọc hiểu

1 - Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt đường luât

2 - Tác giả Hồ Xuân Hương

3 - Đại từ em - Đại từ dùng để trỏ

4 - Quan hệ từ: với, mà

II/ Tạo lập văn bản

1. Mở đoạn

+ "Bánh trôi nước" là một trong những tác phẩm nổi bật nhất trong sự nghiệp của Hồ Xuân Hương.

+ Ở đó, người ta bắt gặp hình ảnh của người phụ nữ Việt Nam xưa: xinh đẹp, nết na và chung thủy, son sắt.

1. Thân đoạn

+ Khái quát nội dung và hoàn cảnh ra đời tác phẩm .

+ Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam được ví von với hình tượng chiếc bánh trôi nước, loại bánh dân dã bình dị cũng như người phụ nữ chân phương, giản dị.

+ "Vừa trắng lại vừa tròn": Vẻ đẹp hình thể của người phụ nữ, đẫy đà, tròn trịa.

+ "Bảy nổi ba chìm với nước non": Số phận long đong, lận đận của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến.

+ "Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn": Sự tủi hổ, bất công khi sinh ra là phụ nữ trong thời đại trọng nam khinh nữ.

+ "Mà em vẫn giữ tấm lòng son": Nét đẹp tâm hồn, luôn giữ được bản tính thiện lương, hiền lành giữa cuộc đời xô bồ, bất công.

1. Kết bài. Khẳng định giá trị nội dung, nghệ thuật và hình ảnh người phụ nữ Việt Nam thời xưa

ĐỀ SỐ 2:

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

BÁNH TRÔI NƯỚC

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn*

*Bảy nổi ba chìm với nước non*

*Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn*

*Mà em vẫn giữ tấm lòng son*

Câu 1. Tác giả bài thơ trên là ai?

Câu 2. Bài thơ trên làm theo thể thơ gì?

Câu 3. Tìm cặp từ trái nghĩa trong bài thơ?

Câu 4. Tìm 2 quan hệ từ có trong bài thơ trên.

Câu 5. Nêu nội dung bài thơ.

Câu 6. Đặc điểm của thể thơ mà em vừa tìm được ở câu 2.

Câu 7. Tác dụng của cặp từ trái nghĩa trong bài thơ.

Câu 8. Tác dụng của việc sử dụng thành ngữ trong bài thơ trên.

Câu 9. Từ bài thơ, em suy nghĩ về thân phận người phụ nữ xưa và nay.

**GỢI Ý:**

1. - Tác giả: Hồ Xuân Hương

2. - Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt

3. - Cặp từ trái nghĩa: Rắn- nát; nổi chìm

4. - Quan hệ từ: Với, mà

5. - Nội dung: Thể hiện được nỗi bất hạnh của người phụ nữ thời phong kiến. Nhà thơ như đại diện cho những người phụ nữ ấy nói lên tiếng nói của mình, tố cáo kết tội xã hội đã trà đạp lên quyền sống của họ.

6. \*\*\* Đặc điểm:

- Một câu có 7 chữ

- Một bài có 4 câu

- Viết theo niêm luật , bố cục : khai thừa chuyển hợp.

- Tiếng cuối câu 1,2,4 hiệp vần với nhau.

- Nhịp 4/3

- Vần chân liền hoặc chân cách.

7. - Rắn - nát => nhấn mạnh vào cuộc đời long đong vất vả bất hạnh của người phụ nữ. - “Rắn nát” thể hiện cuộc sống sung sướng hạnh phúc hay cuộc sống bất hạnh đau khổ của người phụ nữ là do tay những tên nam giới trong xã hội trong nam khinh nữ ấy quyết định.

- Nhà thơ tố cáo xã hội phê phán xã hội cướp đi quyền tự quyết và tự chủ của người phụ nữ. Họ không có quyền quyết định hạnh phúc của bản thân mình, không có quyền chọn chồng hay cuộc sống của mình.

8. - Tác dụng: Thành ngữ "bảy nổi ba chìm" được vận dụng tài tình nhằm gợi tả số phận người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến xưa. Để bày tỏ nỗi xúc động thương cảm của bà Hồ Xuân Hương đứng trước số phận lênh đênh chìm nổi chẳng biết đi về đâu của người phụ nữ.

9. - Cuộc đời, số phận của người phụ nữ xưa: khổ cực, lận đận, truân chuyên.

- Cuộc đời của người phụ nữ ngày nay bình đẳng với nam giới. Họ có chỗ đứng trong xã hội và tự định đoạt cuộc đời, số phận của mình.

**ĐỀ SỐ 3:**

1. Chép nguyên văn bài thơ “Bánh trôi nước” của Hồ Xuân Hương.
2. Cho biết bài thơ được làm theo thể thơ gì? Kể tên hai bài thơ em đã học sử dụng cùng thể thơ trên.
3. Bài thơ mở đầu bằng cụm từ nào? Cụm từ mở đầu sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Kể một số câu ca dao cũng mở đầu bằng cụm từ trên?
4. Bài thơ gồm mấy lớp nghĩa? Các lớp nghĩa đó có nội dung như thế nào? Lớp nghĩa nào là chính?

**GỢI Ý:**

a. Thân em vừa trắng lại vừa tròn Bảy nổi ba chìm với nước non Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn Mà em vẫn giữ tấm lòng son

b. - Bài thơ được làm theo thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật.

- Bài thơ:

+ Sông núi nước Nam.

+ Xa ngắm thác núi Lư.

c. - Cụm từ mở đầu: Thân em.

- Biện pháp nghệ thuật: Ẩn dụ chỉ người phụ nữ

- Kể một số câu ca dao:

*Thân em như trái bần trôi*

*Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu.*

*Thân em như tấm lụa đào*

*Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.*

d. Bài thơ gồm hai lớp nghĩa.

Nội dung:

- Lớp nghĩa đen: nói về chiếc bánh trôi nước ở màu sắc, chât liệu, hình dáng, cách làm.

- Lớp nghĩa bóng: nói về người phụ nữ có hình thức xinh đẹp, phẩm chất trong trắng, son sắt , thủy chung, tình nghĩa nhưng thân phận lại chìm nổi bấp bênh, không tự làm chủ.

- Lớp nghĩa bóng là chủ yếu.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**CHỦ ĐỀ 2: VẺ ĐẸP CỔ ĐIỂN**

**Tiết 21, 22**

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT: TỪ TƯỢNG HÌNH, TỪ TƯỢNG THANH**

**BIỆN PHÁP TU TỪ ĐẢO NGỮ**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực:**

**1. Năng lực chung:**

- Năng lực tư duy, năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**2. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết được từ tượng hình và từ tượng thanh.

- Hiểu được tác dụng của từ tượng hình và từ tượng thanh.

- Vận dụng được kiến thức vào thực hành giải quyết các dạng bài tập.

**II. Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án.

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, giấy nháp,vở ghi.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Kiểm tra khi gv cho hs ôn tập lí thuyết.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**TIẾT: 21**

**ÔN TẬP TỪ TƯỢNG HÌNH, TỪ TƯỢNG THANH**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NỀN**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu:** HS nắm vững tri thức về *từ tượng hình và từ tượng thanh.* Hiểu được tác dụng của từ tượng hình và từ tượng thanh.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi phát vấn:  1, *Em hãy trình bày cách hiểu của mình về từ tượng hình và từ tượng thanh. Cho vd minh họa.*  *2, Từ tượng hình và từ tượng thanh thừơng được dùng trong các văn bản nào? Hạn chế sử dụng trong các loại văn bản nào?*  - Học sinh nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tham gia chia sẻ câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Phần trả lời của học sinh.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Lưu ý hs: thông thường các từ tượng hình, từ tượng thanh là các từ láy nhưng cũng có những trường hợp không phải từ láy. VD: Bốp,bịch, ầm,… | **I.Tri thức cơ bản cần nhớ**  **1. Từ tượng hình**  Từ tượng hình là những từ có khả năng gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.  VD: gập ghềnh, khẳng khiu, lom khom…  **2. Từ tượng thanh**  - Từ tượng thanh là những từ mô phỏng âm thanh tự nhiên.  VD: khúc khích, róc rách, tích tắc,…  \* Từ tượng thanh và từ tượng hình có tính biểu cảm cao nên thường được dùng trong các văn bản văn học, ít được dùng trong các văn bản hành chính và văn bản khoa học. |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, rèn kĩ năng làm bài tập liên quan đến từ địa phương.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát phiếu học tập, yêu cầu HS điền các thông tin và phiếu theo yêu cầu.  **PHIẾU BÀI TẬP**  **Bài 1:** Tìm từ tượng hình, tượng thanh trong những câu sau.  *- Thằng Dần vục đầu vừa thổi vừa húp soàn soạt. Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm.*  *- Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.*  *- Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảy bào cạnh anh Dậu.*  *- Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.*  **Bài 2:** Đọc các đoạn trích trong Lão Hạc của Nam Cao và trả lời câu hỏi:  *- Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu máo như con nít. Lão hu hu khóc*  *- Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng: A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à?.*  *- Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhốn nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mải mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao trong nhà. Tôi xồng xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc.*  a. Trong các từ in đậm trên, những từ nào gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật; những từ nào mô phỏng âm thanh tự nhiên, con người.  b. Những từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái hoặc mô phỏng âm thanh như trên có tác dụng gì trong văn miêu tả và tự sự.  **Bài 3:** Tìm ít nhất năm từ tượng hình gợi tả dáng đi của người.  **Bài 4:** Phân biệt ý nghĩa của các từ tượng thanh tả tiếng cười: cười ha hả, cười hì hì, cười hô hố, cười hơ hớ.  **Bài 5:** Đặt câu với các từ tượng hình, tượng thanh sau: lắc rắc, lã chã, lấm tấm, khúc khuỷu, lập lòe, tích tắc, lộp bộp, lạch bạch, ồm ồm, ào ào.  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập sau khi nhận phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | **II. LUYỆN TẬP**  **Trả lời bài 1:**  Từ tượng hình và tượng thanh trong những câu trích trong tác phẩm Tắt đèn của Ngô Tất Tố.  a. Từ tượng thanh.  - Soàn soạt, bịch, đánh bốp.  - Nham nhảm.  b. Từ tượng hình.  - Rón rén, lực điền, chỏng queo.  **Trả lời bài 2:**  **a.** Đoạn trích Lão Hạc của Nam Cao có những từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, hoạt động trảng thái của sự vật, những từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, con người:  - Móm mém, xồng xộc, vật vã, rũ rượi, xộc xệch, sòng sọc  đó là những từ tượng hình.  - Hu hu, ư ử  đó là những từ tượng thanh.  **b.**Những từ ngữ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, hoạt động hoặc mô phỏng âm thanh rất có tác dụng trong văn miêu tả, tự sự. Các từ này gợi ra những cảm xúc, suy nghĩ hoặc tưởng tượng, hình dung ra sự vật mà nhà văn và tác phẩm muốn diễn tả.  **Trả lời bài 3:**  Năm từ tượng hình gợi tả dáng đi.  - Tất bật, hùng hục, thoăn thoắt, lom khom, rón rén.  **Trả lời bài 4:**  Theo từ điển tiếng Việt của Hoàng Phê chủ biên:  - Ha hả: gợi tả tiếng cười to, tỏ ra khoái chí, thỏa mãn  - Hì hì: mô phỏng tiếng cười phát ra đằng mũi, âm thanh nhỏ, biểu lộ sự thích thú, có vẻ hiền lành  - Hô hố: mô phỏng tiếng cười to và thô lỗ, khó nghe, gây cảm giác khó chịu cho người khác.  - Hơ hớ: mô phỏng tiếng cười tự nhiên, thoải mái, không cần giữ gìn.  **Trả lời bài 5:**  Đặt câu với các từ tượng hình, tượng thanh :   * Lắc rắc: Mưa xuân **lắc rắc** trên những thảm cỏ non. * Lã chã: Nước mắt nó cứ tuôn **lã chã** mãi khi nghe tin ông nội nó ốm nặng. * Lấm tấm: Mặt ba **lấm tấm** mồ hôi sau những giờ trên thao trường. * Khúc khuỷu: Đoạn đường vào nhà bạn tôi quanh co, **khúc khuỷu**. * Lập lòe: Ánh đèn **lập lòe** như đom đóm ban đêm * Tích tắc: Bác đồng hồ **tích tắc** không ngơi nghỉ. * Lộp bộp: Mưa rơi xuống tàu chuối **lộp bộp**. * Lạch bạch; Buổi chiều trên cánh đồng, bầy vịt **lạch bạch** về chuồng. * Ồm ồm: Giọng nói ông ấy **ồm ồm**, rất khó nghe. * Ào ào: Mưa mùa hạ tuôn **ào ào** qua những mái hiên. |

* **Hướng dẫn học bài ở nhà:**

**1. Ghi nhớ kiến thức về từ tượng hình và từ tượng thanh.**

**2. Làm các bài tập sau:**

**Bài 1:** *Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 – 10 dòng miêu tả vẻ đẹp của một mùa trong năm sử dụng ít nhất 2 từ tượng hình và 2 từ tượng thanh.*

**Bài 2:** *Sưu tầm một bài thơ có sử dụng các từ tượng hình, tượng thanh. Chỉ ra và cho biết tác dụng của việc sử dụng các từ tượng thanh, tượng hình có trong các bài thơ đó. ( Ghi vào sổ tay văn học)*

*Đoạn văn tham khảo*

Mùa xuân đã về trên quê hương tôi. Không khí mùa xuân thật ấm áp. Những hạt mưa xuân l*ất phất(từ tượng hình)* bay. Chim đậu trên cành hót *líu lo (từ tượng thanh)* tạo thành một dàn đồng ca mùa xuân nghe mới thú vị làm sao! Người từ nhiều phương đổ về đông nghẹt, trông mặt ai cũng rạng rỡ trong bộ quần áo mới toanh, họ cười nói *ríu rít (từ tượng thanh)* , vui vẻ. Cành đào lúc bấy giờ mới nở rộ trông như những chiếc cúc áo của nàng tiên mùa xuân ban tặng cho cây. Khi ấy, trông mấy bông hoa đào mới thật là đẹp! Vườn cây sau nhà cũng rộn ràng tiếng hót của mấy chú chim. Bầu trời trong xanh,cao vun vút,tô điểm cho bầu trời là những cánh én chao lượn. Trời sáng hơn chút nữa,tôi có thể nhìn rõ được quang cảnh những con người đi lại *tấp nập (từ tượng hình)* nhờ màn sương đêm tan dần. Trên đầu những ngọn cỏ may sương đêm vẫn còn đọng lại lấp lánh, khi ánh mặt trời chiếu vào chúng càng trở nên lấp lánh hơn. Tôi yêu nhất mùa xuân quê tôi.

**TIẾT: 22**

**ÔN TẬP: BIỆN PHÁP TU TỪ ĐẢO NGỮ**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NỀN**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Mục tiêu:** HS nắm chắc kiến thức về biện pháp tu từ đảo ngữ. Hiểu được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong diễn đạt.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * **NV1: GV phát vấn câu hỏi và yêu cầu HS trả lời.**   **Câu hỏi 1**: Từ trước đến giờ em đã học những biện pháp tu từ nào? Hãy kể tên một số biện pháp tu từ em đã học?  + Biện pháp tu từ đảo ngữ là gì?  + Tác dụng của tu từ đảo ngữ?  **Câu hỏi 2:** Những câu nào trong đoạn thơ, đoạn văn dưới đây có chủ định diễn đạt ngược với trật tự bình thường của các bộ phận trong câu (đảo ngữ – ví dụ: bộ phận vị ngữ đặt trước bộ phận chủ ngữ)? Tác giả diễn đạt như vậy nhằm nhấn mạnh ý gì?  “ Đã tan tác những bóng thù hắc ám  Đã sáng lại trời thu tháng Tám  Trên đường ta về lại Thủ đô  Cờ đỏ bay quanh tóc bạc Bác Hồ!”  *Tố Hữu*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS xem lại kiến thức đã học chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu cá nhân.  - HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tri thức cơ bản cần nhớ**  **1. Biện pháp tu từ đảo ngữ là gì và tác dụng của nó trong việc diễn đạt?**  \* Đảo ngữ là hiện tượng đảo ngược vị trí động từ, trợ từ lên trước chủ ngữ nhằm *mục đích nhấn mạnh, thể hiện cảm xúc của người viết hoặc tạo hình ảnh, đường nét, chiều sâu cho lời văn, ý thơ.*  \* VD: Trong đoạn thơ:  “ Đã tan tác những bóng thù hắc ám  Đã sáng lại trời thu tháng Tám  Trên đường ta về lại Thủ đô  Cờ đỏ bay quanh tóc bạc Bác Hồ!”  *Tố Hữu*  **Những câu có đảo ngữ:**  Đã tan tác những bóng thù hắc ám  Đã sáng lại trời thu tháng Tám  **Tác dụng:**  Diễn đạt như vậy nhằm nhấn mạnh các ý nêu trong bộ phận vị ngữ (“Đã tan tác”, “Đã sáng lại”; “Trong xanh”, “Trong vắt”; “Rắc trắng vườn nhà”, “Sáng cả đôi bờ”; “Đã qua rồi”). |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, rèn kĩ năng làm bài tập liên quan đến bptt đảo ngữ.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát **phiếu học tập**.  **PHIẾU BÀI TẬP SỐ 1**  **Câu 1: Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng biện pháp đảo ngữ trong các đoạn thơ dưới đây.**  a, Dừng chân nghỉ lại Nha Trang,  Hiu hiu gió thổi, trời quang tuyệt vời.  Xanh xanh mặt biển da trời,  Cảnh sao quyến rũ lòng người khó quên.  Sóng Hồng  b,Chắt trong vị ngọt mùi hương  Lặng thầm thay những con đường ong bay.  Trải qua mưa nắng vơi đầy  Men trời đất đủ làm say đất trời.  Nguyễn Đức Mậu  c, Em ạ, Cu-ba ngọt lịm đường  Mía xanh đồng bãi, biếc đồi nương  Cam ngon, xoài ngọt vàng nông trại  Ong lạc đường hoa, rộn bốn phương…  Tố Hữu  **Câu 2: Đọc câu văn sau:**  **Trắng tròn như hạt nếp hạt tẻ đầu mùa,** hoa sấukéo dài con đường hoa nhiều quãng cộm hẳn lên như cót gạo nào của khu phố bung vãi ra.  Nguyễn Tuân  **Nhận xét:**  **a) Những từ ngữ in đậm được hiểu là bộ phận làm rõ nghĩa cho danh từ nào trong câu văn trên?**  **b) Cách viết câu văn theo lối đảo ngữ như trên giúp nhà văn diễn tả được điều gì?**  **PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2**  **Đọc bài thơ sau:**  QUA ĐÈO NGANG  Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà  Cỏ cây chen đá, lá chen hoa  Lom khom dưới núi, tiều vài chú(1)  Lác đác bên sông chợ mấy nhà.  Nhớ nước đau lòng con quốc quốc(2)  Thương nhà mỏi miệng cái gia gia(3)  Dừng chân đứng lại trời non nước  Một mảnh tình riêng ta với ta.  Bà Huyện Thanh Quan  (1) Tiều: người kiếm củi.  (2) Cách chơi chữ: Quốc (là nước) đồng âm với cuốc (là chim cuốc, còn gọi là chim Đô Vũ. Tương truyền vua nước Thục tên là Đỗ Vũ mất nước, khi chết hoá thành chim, luôn nhớ nước, cứ kêu “quốc, quốc”).  (3) Cũng là cách chơi chữ: Gia (là nhà) gần đồng âm với đa, là loại chim rừng đa đa thuộc giống gà gô.  **Trả lời câu hỏi:**  **a) Bài thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật gì nổi bật? Nêu những câu thơ thể hiện biện pháp nghệ thuật đó.**  **b) Em cảm nhận được những gì về cảnh Đèo Ngang và tâm trạng của tác giả qua những câu thơ có sử dụng biện pháp nghệ thuật nói trên?**  **PHIẾU BÀI TẬP SỐ 3**  **Dùng biện pháp đảo ngữ để diễn đạt lại những câu văn dưới đây cho sinh động, gợi cảm.**  a) Một thế giới ban trắng trời, trắng núi.  b) Dòng sông quê tôi đáng yêu biết bao.  c) Những cánh cò trắng muốt tung tăng trên đồng lúa chín.  d) Những chuyến xe qua tấp nập trên đường.  e) Nước sông Hương xanh biêng biếc, màu hoa phượng vĩ đỏ rực hai bên bờ.  f) Giữa trời khuya tĩnh mịch, một vầng trăng vằng vặc trên sông, một giọng hò mái đẩy thiết tha dịu dàng.  g) Một biển lúa vàng vây quanh em, hương lúa chín thoang thoảng đâu đây.  h) Xa xa, những ngọn núi nhấp nhô, mấy ngôi nhà thấp thoáng, vài cánh chim chiều bay lững thững về tổ.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm bài tập trên phiếu và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. LUYỆN TẬP:**  ***Gợi ý đáp án phiếu bài tập số 1:***  ***Câu 1:***  a, Gạch dưới các từ: Hiu hiu (**gợi tả mức độ** nhẹ nhàng của cơn gió và cảm giác dễ chịu của tác giả) ; Xanh xanh (gợi màu sắc của biển trời và cảm xúc lạ trước thiên nhiên tươi đẹp).  b, Dòng thơ có sử dụng biện pháp đảo ngữ đã **góp phần nhấn mạnh** được ý nghĩa đẹp đẽ : sự lao động thầm lặng, không mệt mỏi của bầy ong thật đáng cảm phục.  c,– Hãy nhận xét về vị trí của những từ ngữ bổ nghĩa cho các danh từ “đường”, “đồng bãi”, “đồi nương”, “nông trại” so với cách diễn đạt thông thường để thấy được biện pháp đảo ngữ được dùng.  – So sánh với cách diễn đạt thông thường (không đảo ngữ) để thấy rõ tác dụng của biện pháp đảo ngữ. Ví dụ: ngọt lịm đường (có đảo ngữ) / đường ngọt lịm (không đảo ngữ).  – Cách diễn đạt nào gợi tả, gợi cảm? Nhấn mạnh được điều gì?…  ***Câu 2:***   1. “Trắng tròn như hạt nếp hạt tẻ đầu mùa”   – bộ phận làm rõ nghĩa cho danh từ “hoa sấu”.  b) Viết theo lối đảo ngữ diễn tả được vẻ đẹp độc đáo, gợi cảm và giàu ý nghĩa của hoa sấu (chuẩn bị cho sự xuất hiện hình ảnh so sánh độc đáo ở cuối câu: như cót gạo nào của khu phô bung vãi ra).  ***Gợi ý đáp án phiếu bài tập số 2:***   1. Biện pháp nghệ thuật nổi bật: đảo ngữ. Các câu thơ: 3, 4, 5, 6.   Lom khom dưới núi, tiều vài chú(1)  Lác đác bên sông chợ mấy nhà.(2)  Nhớ nước đau lòng con quốc quốc(3)  Thương nhà mỏi miệng cái gia gia(4)  b) Cảm nhận về cảnh Đèo Ngang và tâm trạng của tác giả (qua những câu thơ có dùng biện pháp đảo ngữ): cảnh thưa thốt vắng vẻ, gợi nỗi buồn man mác; tâm trạng của tác giả cũng bâng khuâng, đượm buồn.  ***Gợi ý đáp án phiếu bài tập số 3:***  a) Trắng trời, trắng núi, một thế giới ban.  b) Đáng yêu biết bao, dòng sông quê tôi.  c) Tung tăng trên đồng lúa chín, những cánh cò trắng muốt.  d) Tấp nập trên đường, những chuyến xe qua.  e) Xanh biêng biếc nước sông Hương, đỏ rực hai bên bờ màu hoa phượng vĩ.  f) Giữa trời khuya tĩnh mịch, vằng vặc trên sông một vầng trăng, thiết tha dịu dàng một giọng hò mái đẩy.  g) Vây quanh em một biển lúa vàng, thoang thoảng đâu đây hương lúa chín.  h) Xa xa, nhấp nhô những ngọn núi, thấp thoáng mấy ngôi nhà, lững thững vài cánh chim hiều bay về tổ. |

* **Hướng dẫn học bài ở nhà:**

**1. Ghi nhớ kiến thức về BPTT đảo ngữ.**

# **2. Làm bài tập sau:** Trong khổ đầu của bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật tu từ đảo ngữ? Em hãy ghi lại các câu thơ đó và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật tu từ đảo ngữ.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**BÀI 2: CHỦ ĐỀ 2**

**Tiết 23, 24, 25: ÔN TẬP VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**THƠ ĐƯỜNG LUẬT ( THẤT NGÔN BÁT CÚ, TỨ TUYỆT)**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Nắm được các bước thực hành làm một bài văn phân tích một tác phẩm văn học.

- Năng lực, xác định chủ đề, tìm ý, xây dựng cấu trúc một bài văn.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề tài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực viết: viết được đoạn văn đúng hình thức và đảm bảo về nội dung, viết được bài văn phân tích tác phẩm văn học hoàn chỉnh.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp tình yêu đối với văn chương, yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **NV1: Mục tiêu:** HS cần hiểu và nắm rõ kiến thức về kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV phát vấn câu hỏi:**  *Dựa vào kiến thức đã đọc, em hãy trình bày sự hiểu biết của mình về kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **NV2: Mục tiêu:**  **- HS biết cách làm được kiểu bài viết bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt đường luật.**  **Tổ chức thực hiện:**  **Hoạt động 1: GV yêu cầu học sinh đọc các bài thơ đã sưu tầm được thuộc thể loại tất ngôn tứ tuyệt và thất ngôn bát cú Đường luật.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- Gv phát vấn câu hỏi:**  **1/** ? Đọc các bài thơ, thất ngôn bát cú và thể thơ tứ tuyệt đường luật mà em sưu tầm được?  2/ HS nêu cảm nhận của mình về các bài thơ ?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS:  - Nghe / đọc thơ thất ngôn bát cú và thể thơ tứ tuyệt đường luật.  - Suy nghĩ cá nhân  - HS trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Hoạt động 2: GV yêu cầu học sinh lựa chọn ngữ liệu và chuẩn bị cho việc thực hành viết.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ:  - GV phát phiếu học tập  Em hãy chép lại một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc bài thơ tứ tuyệt đường luật và thực hiện các yêu cầu sau:  *? Cho biết tên bài thơ và tác giả của bài thơ em vừa chép ?*  *? Hãy nêu nội dung chính của bài thơ và khái quát chủ đề của bài thơ?*  *? Hãy cho biết những nghệ thuật nào được sử dụng trong bài thơ và chỉ rõ dấu hiệu của chúng?*  *? Theo em, một khi viết một bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc bài thơ tứ tuyệt đường luật cần đảm bảo những yêu cầu gì?*  **Hoạt động 3: GV yêu cầu học sinh đọc ngữ liệu mẫu: Bài viết tham khảo “Phân tích bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương”.**  **-> Biết yêu cầu của một bài văn phân tích bài thơ .**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  - GV phát văn bản mẫu.  - GV yêu cầu HS đọc và trả lời câu hỏi:  *Em hãy chỉ ra bố cục của bài văn. Nêu rõ nhiệm vụ của từng phần.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS:  - Đọc văn bản mẫu và trả lời câu hỏi.  - Làm việc cá nhân 2’  - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  GV:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm  B4: Kết luận, nhận định  GV:  - Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm | **I. Thế nào là phân tích một tác phẩm văn học?** **1. Phân tích văn học** là khám phá các giá trị văn học và vấn đề văn học qua từng khía cạnh và từng biểu hiện cụ thể của tác phẩm.  **2. Khi làm bài phân tích văn học, cần chú ý:**  - Xác định đúng thể loại của tác phẩm cần phân tích.(Thơ hay truyện..?)  - Phân tích tác phẩm văn học là ta phải làm rõ được các giá trị về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. **II/ CÁCH LÀM BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC** **(Một bài thơ thất ngôn bát cú đường luật, Thất ngôn tứ tuyệt)**  **1. Yêu cầu.**  - Nắm được một số ý khái quát về tác giả và bài thơ.  -Hiểu được nội dung cơ bản, khái quát được chủ đề của bài thơ.  - Nhận biết và phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ.  -Khẳng định được vị trí , ý nghĩa của bài thơ.  **2. Dàn ý**  **A. Mở bài**  - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả , tác phẩm .  - Nêu nhận xét chung về bài thơ.  - Trích dẫn bài thơ.  **B. Thân bài**  - Phân tích đặc điểm nội dung:   * Phân tích hình tượng thơ (thiên nhiên, con người…) * Phân tích cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ. * Khái quát chủ đề của bài thơ.   - Phân tích một số nét đặc sắc về nghệ thuật:   * Cách sử dụng thể thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt Đường luật (theo mô hình chuẩn mực hay có sự cách tân). * Những nét đặc sắc trong nghệ thuật tả cảnh, tả tình. * Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, cấu trúc thơ, biện pháp tu từ…)   **C. Kết bài**  Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.  **Bài mẫu:**  **Phân tích bài thơ “Thương vợ” của Trần Tế Xương.**  **A/ MB: Giới thiệu tác giả Trần Tế Xương và bài thơ “Thương vợ”**  \*Tác giả: Tú Xương là nhà thơ trào phúng bậc thầy trong nền văn học Việt nam. Thơ ông bắt nguồn từ tâm huyết với dân, với nước, với đời. Tú Xương cũng đã việt hóa sâu sắc thể thơ Nôm Đường luật, hình ảnh ngôn ngữ bình dị, đậm sắc thái dân gian và nóng hổi hơi thở đời sống.  \* Tác phẩm: “Thương vợ” là bài thơ cảm độngnhất trong chùm thơ văn câu đối về đề tài bà Tú. Với tình -cảm thương yêu quý trọng, tác giả đã ghi lại một cách chân thực xúc động hình ảnh người vợ tần tảo, giàu đức hi sinh.  **B/ THÂN BÀI:**  **Ý 1: Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.**  Giá trị của tác phẩm:  \* Giá trị nội dung:  -Xây dựng thành công hình ảnh của bà Tú - một người vợ tảo tần, giàu đức hi sinh, đã gánh vác gia đình với những gánh nặng cơm áo gạo tiền đè lên đôi vai gầy. Đồng thời, thông qua đó, người đọc cũng có thể cảm nhận được tình thương yêu, quý trọng người vợ của Trần Tế Xương.  - Ẩn đằng sau hình ảnh của người vợ tảo tần sớm khuya ấy là hình ảnh của ông Tú với đầy những tâm sự. Bà Tú hiện lên càng đảm đang, tháo vát vất vả bao nhiêu thì ông Tú lại càng nhỏ bé, nhạt nhòa, vô dụng bấy nhiêu. Đây chính là sự bất lực của người trí sĩ đương thời trước dòng đời nổi trôi và xã hội quan liêu thối nát.  \* Giá trị nghệ thuật  - Sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt bình dị, tự nhiên và giàu sức biểu cảm; cảm xúc chân thành tiêu biểu cho thơ trữ tình của Trần Tế Xương.  - Vận dụng sáng tạo hình ảnh con cò và cách nói của văn học dân gian trong việc khắc họa hình ảnh của bà Tú  - Hình ảnh của bà Tú được nhắc đến với giọng điệu ngợi ca, đầy yêu thương còn hình ảnh của tác giả ẩn đằng sau đó lại được nhắc đến với giọng điệu trào phúng, bất lực  **Ý 2: Phân tích tác phẩm.**  a. Hai câu thực:  “Quanh năm buôn bán ở mom sông  Nuôi đủ năm con với một chồng”  -Công việc của bà Tú là buôn bán. Thời gian làm việc là quanh năm, tức là từ ngày này qua ngày khác, từ tháng này qua tháng khác, không có một ngày được nghỉ ngơi. Địa điểm làm việc ở mom sông. Phần đất ở bờ sông nhô ra phía lòng sông, nơi người làng chài thường hay tụ tập mua bán. Ở đây cũng gợi tả một cuộc đời nhiều mưa nắng, một cuộc đời lắm cơ cực, phải vật lộn để kiếm sống.  -“Nuôi đủ năm con với một chồng” ý nói gánh nặng gia đình đang đè nặng lên đôi vai người mẹ, người vợ. Tú Xưng dùng cách đếm con, chồng nhằm ẩn chứa nỗi niềm chua chát về một gia đình gặp nhiều khó khăn: đông con, còn người chồng đang phải “ăn lương vợ”  -Hai câu thực gợi tả cụ thể hơn cuộc sống tảo tần gắn với việc buôn bán ngược xuôi của bà Tú.  b. Hai câu đề:  “Lặn lội thân cò khi quãng vắng  Eo sèo mặt nước buổi đò đông”  -Thấm thía nỗi vất vả, gian lao của vợ, Tế Xương đã mượn hình ảnh con cò trong ca dao để nói về bà Tú. Thân cò lầm lũi gợi liên tưởng về thân phận vất vả, cực khổ, của bà Tú cũng như những người phụ nữ Việt Nam trong xã hội cũ. Ba từ "khi quãng vắng" đã nói lên không gian heo hút, vắng lặng chứa đầy những lo âu, nguy hiểm. Câu thơ dùng phép đảo ngữ đưa từ "lặn lội" lên đầu câu và dùng từ "thân cò" thay cho từ "con cò" càng làm tăng thêm nỗi vất vả gian truân của bà Tú. Không những thế, từ "thân cò" còn gợi nỗi ngậm ngùi về thân phận nữa. Lời thơ vì thế mà cũng sâu sắc hơn, thấm thìa hơn.  -Câu thứ tư làm rõ sự vật lộn với cuộc sống đầy gian nan của bà Tú. Từ "eo sèo" là từ láy tượng thanh ý chỉ sự kì kèo, kêu ca phàn nàn một cách khó chịu, gợi tả cảnh tranh bán, cãi vã nơi “mặt nước”. Câu thơ gợi tả cảnh chen chúc, bươn trải trên sông nước của những người làm nghề buôn bán nhỏ. Chi tiết “buổi đò đông” hàm chứa không phải ít những lo âu, nguy hiểm "khi quãng vắng". Nghệ thuật đối đặc sắc đã làm nổi bật cảnh kiếm ăn nhiều cơ cực. Bát cơm, manh áo mà bà Tú kiếm được để “nuôi đủ năm con với một chồng” phải lặn lội trong nắng mưa, phải giành giật, phải trả giá bằng mồ hôi, nước mắt trong thời buổi khó khăn.  c. Hai câu luận  “Một duyên hai nợ, âu đành phận,  Năm nắng, mười mưa dám quản công.”  -Tú Xương vận dụng rất sáng tạo hai thành ngữ “một duyên hai nợ” và “năm nắng mười mưa”, đối xứng nhau hài hòa, màu sắc dân gian đậm đà trong cảm nhận và ngôn ngữ biểu đạt. Từ “duyên” là duyên số, duyên phận, là cái “nợ” đời mà bà Tú phải cam phận, chịu đựng. Còn “nắng”, “mưa” tượng trưng cho mọi vất vả, khổ cực. Các số từ trong câu thơ tăng dần lên: “một… hai… năm… mười… làm nổi rõ đức hi sinh thầm lặng của bà Tú, một người phụ nữ chịu thương, chịu khó vì sự ấm no, hạnh phúc của chồng con và gia đình. Từ “Âu đành phận”, “dám quản công” làm giọng thơ nhiều xót xa, thương cảm, thương mình, thương gia cảnh nhiều éo le. Ta thấy sáu câu thơ đầu bằng tấm lòng biết ơn và cảm phục, Tú Xương đã phác họa một vài nét rất chân thực và cảm động về hình ảnh bà Tú, người vợ hiền thảo của mình với bao đức tính đáng quý: đảm đang, tần tảo, chịu thương chịu khó, thầm lăng hi sinh cho hạnh phúc gia đình.  d. Hai câu kết  “Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,  Có chồng hờ hững cũng như không.”  -Tú Xương sử dụng từ ngữ thông tục, lấy tiếng chửi nơi “mom sông” lúc “buổi đò đông” đưa vào thơ rất tự nhiên, bình dị. Ý nghĩa của lời chửi là tác giả thầm trách bản thân mình một cách thẳng thắn, nhận ra sự vô dụng của bản thân mình. Nhưng đó lại là một lẽ thường tình trong xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ. Tú Xương dám thừa nhận mình là “quan ăn lương vợ”, dám tự nhận khuyết điểm của mình. Từ đó cho thấy ông là một người có nhân cách đẹp.  -Hai câu kết là cả một nỗi niềm tâm sự và thế sự đầy buồn thương, là tiếng nói của một trí thức giàu nhân cách, nặng tình đời, thương vợ con, thương gia cảnh nghèo. Tú Xương thương vợ cũng chính là thương mình vậy: nỗi đau thất thế của nhà thơ khi cảnh đời thay đổi.  **Ý 3: Khái quát cuối:**  \*Vài nét đặc sắc về nghệ thuật + Liên hệ mở rộng.  "Thương vợ" là một trong những bài thơ mà Tú Xương vận dụng một cách rất sáng tạo hình ảnh, ngôn ngữ văn học dân gian.  -Về hình ảnh: Trong ca dao, hình ảnh con cò có khá nhiều ý nghĩa: có khi nói về thân phận người phụ nữ lam lũ, vất vả, chịu thương chịu khó; có khi lại tượng trưng cho thân phận người lao động với nhiều bất trắc thua thiệt.  *Con cò lặn lội bờ sông Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non*  *Hay:*  *Con cò mày đi ăn đêm Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao*  Như thế, con cò trong ca dao vốn đã gợi nhiều cay đắng, xót xa. Song dường như ứng vào nhân vậ cụ thể là bà Tú thì nó lại càng gợi sự xót xa, tội nghiệp nhiều hơn. Hơn thế nữa so với từ "con cò" trong ca dao thì từ "thân cò" của Tú Xương mang tính khái quát cao hơn, đó như thân phận của người phụ nữ trong cuộc sống gia đình, hi sinh tất cả vì chồng vì con. Do vậy, mà tình yêu thương của Tú Xương cũng thấm thía và sâu sắc hơn.  - Về từ ngữ:  -Thành ngữ "năm nắng mười mưa" được vận dụng một cách rất sáng tạo.  - Cụm từ "nắng mưa" chỉ sự vất vả. Các từ năm, mười là số lượng phiếm chỉ, để nói số nhiều, được tách ra rồi kết hợp với "nắng, mưa" tạo nên một thành ngữ chéo. Hiệu quả của nó vừa nói lên sự vất vả, gian lao, vừa thể hiện đức tính chịu thương chịu khó, hết lòng vì chồng con của bà Tú.  -Bên cạnh đó chủ đề “Duyên nợ” trong ca dao cũng được tác giải sử dụng sáng tạo “một duyên hai nợ” muốn nhấn mạnh rằng duyên phận vợ chồng như số phận trời sắp đặt, tình nghĩa vợ chồng vì vậy cũng gắn bó hơn.  **III/ KẾT BÀI**  \*. Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.  “Thương vợ’” là bài thơ trữ tình đặc sắc của Tú Xương nói về người vợ, người phụ nữ ngày xưa với bao đức tính tốt đẹp, hình ảnh bà Tú được nói đến trong bài thơ rất gần gũi với người mẹ, người chị trong mỗi gia đình Việt Nam. Tú Xương chiếm một địa vị vẻ vang trong nền văn học Việt Nam. Tên tuổi ông sống mãi với non Côi, sông Vị. |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH VẬN DỤNG CÁC KĨ NĂNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu 1:** Giúp HS  - Biết cách tìm ý và lập dàn ý cho bài văn văn phân tích một tác phẩm theo các bước.  **Tổ chức thực hiện:**  B1: Chuyển giao nhiệm vụ  GV phát phiếu học tập số 1.  Đề bài: Em hãy phân tích bài thơ sau:  *Ao thu lạnh lẽo nước trong veo*  *Một chiếc cần câu bé tẻo teo*  *Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,*  *Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.*  *Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,*  *Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.*  *Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,*  *Cá đâu đớp động dưới chân bèo*.  ( Thu điếu – Nguyễn Khuyến)  HS tiếp nhận nhiệm vụ:  ? Tìm ý, lập dàn ý cho đề bài trên?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  GV:  - Hướng dẫn HS đọc bài thơ, tìm ý cho bài viết, lập dàn bài.  HS:  - Đọc bài thơ.  - Tìm ý.  - Lập dàn ý ra giấy.  B3: Báo cáo thảo luận  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. | **TRƯỚC KHI VIẾT**  **1) Tìm ý**  - Nhan đề bài thơ: Thu điếu có nghĩa là “Câu cá mùa thu” việc câu cá chẳng qua là cái cớ, cái hoàn cảnh, cái chỗ để nói về mùa thu, để thưởng thức mùa thu mà thôi.  - ND chính:Văn bản là một bức tranh đẹp về mùa thu ở làng quê VN, một không gian thu trong trẻo, thanh sạch và bình yên với những hình ảnh, đường nét xinh xẻo. Đồng thời cho thấy tình yêu thiên nhiên, đất nước cùng tâm trạng đau xót của tác giả trước thời thế.  - Nghệ thuật:  + Cách sử dụng yếu tố thi luật của thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình….Các từ gợi tả âm thanh, biểu cảm, các biện pháp tu từ( so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ….)  **2) Lập dàn ý**  - *Mở đoạn* giới thiệu khái quát, ngắn gọn về Nguyễn Khuyến và bài thơ, nêu ý kiến chung về bài thơ.  - *Thân đoạn*:  + Ý 1: Phân tích đặc điểm nội dung  Phân tích hình tượng bài thơ  Phân tích cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ.  Khái quát về chủ để của bài thơ.  + Ý 2 Phân tích một số nét về nghệ thuật.  Cách sử dụng thể thơ.  Những nét đặc sắc trong tả cảnh tả tình.  Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ  - *Kết đoạn*: Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ. |

**GV phát phiếu học tập số 2.**

**LẬP DÀN Ý CHO ĐỀ VĂN SAU:**

**Viết bài văn phân tích bài thơ “Bánh trôi nước” của Hồ Xuân Hương.**

Thân em vừa trắng lại vừa tròn

Bảy nổi ba chìm với nước non

Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn

Mà em vẫn giữ tấm lòng son

**DÀN Ý CHI TIẾT**

### I. Mở bài:

- Giới thiệu một vài nét về tác giả:

+ Hồ Xuân Hương, nữ sĩ tài ba được ca ngợi là ‘bà chúa thơ Nôm’.

+ Nữ sĩ còn để lại khoảng 50 bài thơ Nôm.

+ Thơ bà có đề tài bình dị, ngôn ngữ thuần Nôm, rất sắc sảo, hóm hỉnh, đa nghĩa.

+ Thơ Hồ Xuân Hương là tiếng nói ngợi ca phẩm chất tốt đẹp, là lời cảm thông, bênh vực người phụ nữ trong cuộc đời.

- Giới thiệu văn bản và chủ đề bài thơ.

+ Bài thất ngôn tứ tuyệt ‘bánh trôi nước’ tiêu biểu cho hồn thơ của nữ sĩ (chép trọn vẹn văn bản):

‘Thân em... tấm lòng son’

+ Chủ đề: Qua việc miêu tả chiếc bánh trôi nước, nữ sĩ gửi gắm bao tình cảm tốt đẹp về phẩm chất và thân phận của người phụ nữ Việt Nam trong cuộc đời.

### II. Thân bài:

‘Bánh trôi nước’ là một bài thơ bình dị về đề tài, mang hàm nghĩa sâu sắc.

**1.**Bài thơ tả thực cái bánh trôi nước, một món ăn dân tộc được làm bằng bột nếp, sắc trắng trong, dáng bánh tròn. Nhân bánh bằng đường phên (tấm lòng son). Bánh được nấu chín trong nồi nước sôi ‘bảy nổi ba chìm với nước non’.

**2.**Câu thơ thứ nhất nhân hóa cái bánh:

‘Thân em vừa trắng lại vừa tròn’

‘Thản em’là một cách nói khiêm nhường, dịu dàng, kín đáo, một nét đẹp của thiếu nữ.

- Hai vế tiểu đối: ‘vừa trắng II vừa tròn’ có giá trị gợi tả, liên tưởng về vẻ đẹp trinh trắng, duyên dáng của thiếu nữ.

**3.**Câu thơ thứ 2 và thứ 3 mang hàm nghĩa về thân phận người phụ nữ trong cuộc đời ngày xưa:

‘Bảy nổi ba chìm với nước non,

Rắn nát mặc dù tay kẻ nặn’

- Thành ngữ được vận dụng ‘bảy chìm ba nổi, chín lênh đênh’ trong văn cảnh hàm ý về thân phận vất vả của người phụ nữ, chịu nhiều thiệt thòi do lễ giáo phong kiến trọng nam khinh nữ, do đạo ‘tam tòng’ khắc nghiệt gây nên.

- Hai chữ ‘rắn nát’ ấm chí sô' phận của người phụ nữ được sung sướng hạnh phúc, hoặc bất hạnh đều do ‘tay ke’ nặn’, do cha mẹ hay chồng con định đoạt. Việc hôn nhân do cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy. Đạo tam tòng chính là ‘tay kẻ nặn’...

- Vần thơ biểu lộ niềm cảm thông sâu sắc của nữ sĩ đối với số phận, thân phận người phụ nữ ngày xưa.

**4.**Câu cuối, hình ảnh ẩn dụ ‘tấm lòng son’ nói về lòng son sắt thủy chung trong tình yêu của người phụ nữ. Đó là vẻ đẹp đôn hậu, vị tha của người mẹ, người chị quê ta.

- Cấu trúc câu thơ: ‘Mặc dù... mà vẫn...’ ở hai câu cuối bài thơ, đặc biệt chữ ‘vẫn’ làm cho ý thơ được khẳng định và ngợi ca tâm hồn trong sáng, tình yêu thủy chung của người phụ nữ Việt Nam:

‘Rắn nát mặc dù tay kẻ nặn,

Mà em vẫn giữ tấm lòng son’

### III. Kết bài:

- ‘Bánh trôi nước’là một bài thơ Nôm đa nghĩa, nó thể hiện tình cảm gắn bó thiết tha của Hồ Xuân Hương đối với nền văn hóa dân tộc. Chiếc bánh bình dị của quê hương đã đi vào hồn thơ nữ sĩ và trở thành một bài thơ hay. Nữ sĩ đã dành những lời tốt đẹp ca ngợi bao phẩm chất cao quý của người phụ nữ Việt Nam.

- Nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ, vận dụng sáng tạo tục ngữ, cách nói cách cảm của dân gian để tạo nên những vần thơ hàm súc đậm đà mang phong cách Hồ Xuân Hương.

**GV phát phiếu học tập số 3.**

**LẬP DÀN Ý CHO ĐỀ VĂN SAU:**

**Viết bài văn phân tích bài thơ “Cảnh khuya” của Hồ Chí Minh.**

“Tiếng suối trong như tiếng hát xa,  
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.  
Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,  
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”.

**DÀN Ý CHI TIẾT**

**1. Mở bài:**

– Giới thiệu khái quát về tác giả Hồ Chí Minh: Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ tài ba vĩ đại của dân tộc Việt Nam, lại vừa là một nhà thơ xuất sắc.

– Giới thiệu khái quát hoàn cảnh ra đời của bài thơ: bài thơ được viết năm 1947 – những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, tại chiến khu Việt Bắc.

– Đánh giá: là bài thơ xuất sắc của Hồ Chí Minh.

**2. Thân bài:**

“Tiếng suối trong như tiếng hát xa,  
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.  
Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,  
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”.

– Vẻ đẹp của thiên nhiên vào một đêm trăng nơi chiến khu: hình ảnh trăng, hoa, cây cổ thụ, tiếng suối… Hình ảnh thơ cho thấy một đêm trăng khuya đẹp, thơ mộng.

– Nổi bật lên giữa bức tranh thiên nhiên là người chiến sĩ nặng lòng “lo nỗi nước nhà”. (có thể so sánh : Trong thơ cổ, cảnh đẹp thượng đi liền với hình ảnh người ẩn sĩ lánh mình chốn thiên nhiên, xa lánh cõi trần. Nhưng trong bài thơ này nổi bật lên giữa thiên nhiên là hình ảnh một chiến sĩ cách mạng nặng lòng “lo nỗi nước nhà”).

– Cảnh vật thiên nhiên hiện lên mang vẻ đẹp của sự trầm mặc, huyền ảo của ánh trăng khuya. Nó không chỉ có màu sắc vàng yên ả mà nó còn có âm thành của tiếng suối chảy róc rách trong trẻo như tiếng hát vỏng lại từ phía xa.

– Câu thơ thứ ba có dấu phẩy ở giữa như cắt ngang hai sự đối lập nhau. Đối với thiên nhiên hiền hòa lung linh yên bình đẹp như vẽ kia là tâm trạng của nhà thơ. Đó là một tâm trạng đầy bất trắc, âu lo không yên bình.

– Người vẫn chưa ngủ chỉ có chưa ngủ thì mới có thể tả hết được cảnh đẹp đêm khuya được. Không phải người thức để ngắm cảnh mà vì Người đang lo nỗi nước nhà.

⇒ Trái ngược với sự hài hòa của thiên nhiên là tâm trạng đầy âu lo của nhà thơ, lo ngày mai chiến tranh, lo ngày mai có giành được độc lập cho dân tộc hay không.

– Tính cổ điển và hiện đại trong phong cách thơ Hồ Chí Minh:

+ Thể thơ đường luật cùng với hình ảnh thiên nhiên làm cho bài thơ có màu sắc cổ điển. Nhưng hình ảnh nhân vật trữ tình “lo nỗi nước nhà” kèm theo sự phá cách trong hai câu cuối đã làm cho bài thơ mang tình hiện đại)

+ Nhận định về giá trị tư tưởng, nghệ thuật của bài thơ: Bài thơ miêu tả cảnh trăng sáng ở chiến khu Việt Bắc trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng và phong thái ung dung, lạc quan của Bác Hồ

**3. Kết bài:**

Với thể thơ thất ngôn tứ tuyệt ngắn gọc, xúc tích, hình ảnh thơ mang màu sắc cổ điển mà bình dị, gần gũi, bài thơ vừa vẽ lên bức tranh thiên nhiên tại chiến khu Việt Bắc hiền hòa với màu sắc của ánh trăng, sống động trong trẻo với âm thanh của tiếng suối, lại vừa thể hiện tâm trạng âu lo của nhà thơ qua đó thấy được tấm lòng đối với thiên nhiên và con người của nhà thơ vĩ đại.

**GV phát phiếu học tập số 4.**

**LẬP DÀN Ý CHO ĐỀ VĂN SAU:**

**Phân tích bài thơ Nguyên tiêu của Hồ Chí Minh.**

“Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,  
Xuân giang, xuân thuỷ tiếp xuân thiên;  
Yên ba thâm xứ đàm quân sự,  
Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.”

**DÀN Ý CHI TIẾT**

**A.** Mở bài:  
– Giới thiệu những hiểu biết về Bác Hồ Chí Minh (là một vị lãnh tụ, nhà thơ, nhà thi sĩ tài ba,….)  
– Giới thiệu bài thơ “Rằm tháng giêng ” và cảm nghĩ của em về bài thơ. (Có thể nêu chút ít về hoàn cảnh)  
B. Thân bài:  
– Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác  
 Rằm xuân lồng lộng trăng soi  
– Thời gian và không gian trong hai câu thơ đầu của bài thơ “Nguyên tiêu” như đã tràn ngập vẻ đẹp và sức xuân.  
– Rằm xuân -> Hai từ này đã gợi cho chúng ta những liên tưởng không thể khác nhau đó là hình ảnh mặt trăng tròn đầy, ánh trăng bao trùm vạn vật trong đêm nguyên tiêu -> có cảm giác ánh trăng chưa bao giờ đẹp và tròn như thế.  
 Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân  
– Dưới ánh trăng sáng trong thật đẹp dẽ đó, điệp từ “xuân” gợi hình ảnh thiên nhiên tràn đầy sức sống của mùa xuân: cây cối, sông nước, bầu trời, mây gió,… trong đêm rằm đầu năm.  
– Cảnh vật vừa như có chiều cao của ánh trăng vừa có chiều rộng của sông nước “tiếp” giáp với bầu trời  
-> Tạo ra một không gian bao la vô tận.  
– 2 câu thơ này không tả mà giàu sức gợi hình ảnh, nhưng chứa đựng rất nhiều tâm trạng và nỗi lòng trong đó, như gợi màu sắc dù nó là bức tranh về cảnh khuya có 2 gam màu trắng và đen, sáng tối  
-> Người đọc như cảm thấy thích thú khi hình dung cảnh đêm xuân đẹp bao nhiêu thì càng cảm phục cái tài thơ của Bác bấy nhiêu…  
Giữa dòng bàn bạc việc quân  
– Chuyển ý  
– Trong khung cảnh nên đẹp và thơ mộng đến đi vào trong thơ ấy, giữa nơi mịt mù khói sóng Bác Hồ đang làm gì? Ánh trăng tuyệt đẹp kia không thể làm Bác xao lãng việc nước, việc quân  
 *Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền*  
– Khuya rồi vậy mà trăng vẫn “mãn thuyền” vẫn như đang ngân nga đầy thuyền, trăng tràn ngập khắp nơi, tràn cả không gian rộng lớn, vẫn chờ, vẫn đợi cho dù Bác có bận đến đâu.  
– Con thuyền nhỏ cứ lờ lững xuôi dòng trong đêm nhưng không hề tối vì đã có ánh trăng đồng hành như một người bạn chung thủy sâu sắc -> thật hạnh phúc biết bao nhiêu  
– Trăng như đã gắn bó với người nghệ sĩ biết thưởng lãm, biết trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên hay nói gần hơn là vẻ đẹp của ánh trăng  
– Trong hoàn cảnh đất nước còn có biết bao nhiêu khó khăn gian khổ, ta vẫn cảm nhận sự hòa hợp kì diệu giữa cảnh và người  
-> thể hiện phong thái ung dung, tinh thần lạc quan của Bác về tương lai đât nước tươi sáng -> kính yêu Bác hơn  
C. Kết bài:  
Bài thơ “Rằm tháng giêng” giúp người đọc như đã hình dung một cách cụ thể bức tranh đêm trăng trên sông nước thật đẹp, hiểu thêm tấm lòng yêu dân, yêu nước, yêu thiên nhiên sâu sắc của vị lãnh tụ vĩ đại, vị cha già kính yêu của dân tộc.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu 2:** Giúp HS  - Biết viết đoạn văn ứng với nhiệm vụ từng phần trong bài viết phân tích một tác phẩm văn học.  **Tổ chức thực hiện:**  B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  HS tiếp nhận nhiệm vụ:   * + Chọn một dàn bài đã lập mà em ưng ý nhất theo những đề văn trên.   + Viết bài văn hoàn chỉnh theo dàn ý đã lập sẵn.   B2: Thực hiện nhiệm vụ  GV:  - Hướng dẫn HS viết thành bài.  HS:  -Luyện viết  B3: Báo cáo thảo luận  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  - HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. | **LUYỆN VIẾT VĂN THEO DÀN Ý**  **BÀI VIẾT THAM KHẢO CHO ĐỀ VĂN PHÂN TÍCH BÀI THƠ NGUYÊN TIÊU CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**  Bài thơ “Nguyên tiêu” (Rằm tháng giêng) là một trong những bài thơ nổi tiếng của chủ tịch Hồ Chí Minh. Bài thơ đã khắc họa được khung cảnh thiên nhiên núi rừng Việt Bắc trong đêm trăng cũng như qua đó bày tỏ tấm lòng yêu nước sâu nặng của Người:  “Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên, Xuân giang, xuân thuỷ tiếp xuân thiên; Yên ba thâm xứ đàm quân sự, Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.”  Có lẽ hình ảnh ánh trăng không còn xa lạ gì trong thơ ca. Ta đã từng bắt gặp ánh trăng nhớ trong thơ Lý Bạch:  “Sàng tiền minh nguyệt quang, Nghi thị địa thượng sương. Cử đầu vọng minh nguyệt, Đê đầu tư cố hương.”  (Đầu giường ánh trăng rọi, Ngỡ mặt đất phủ sương. Ngẩng đầu nhìn trăng sáng, Cúi đầu nhớ cố hương)  Ánh trăng trong thơ Lý Bạch dường như mang nỗi nhớ về quê hương. Còn trong “Rằm tháng giêng” của Hồ Chí Minh, ánh trăng lại mang một ý nghĩa khác.Nhà thơ đã xây dựng hình ảnh ánh trăng trong một đêm rằm tháng giêng với vẻ đẹp “nguyệt chính viên” - đó là lúc trăng ở vào độ tròn đầy và sáng nhất. Ánh trăng trong đêm rằm vốn đã đẹp nhưng ánh trăng trong đêm rằm tháng giêng lại đẹp hơn cả. Không chỉ vậy, sắc xuân từ ánh trăng giống như đang bao trùm lên mọi cảnh vật khiến cho “sông xuân”, “nước xuân” và “trời cũng thêm xuân”. Từ “xuân” được điệp lại tới ba lần như muốn khẳng định sắc xuân đang lan tỏa khắp không gian. Không gian ấy mở rộng ra cả ba chiều: chiều cao, chiều rộng và chiều sâu làm cho cảnh vật thiên nhiên trở nên rộng lớn hơn chứ không bó hẹp. Sự nối tiếp giữa “sông xuân”, “nước xuân” và “trời xuân” cũng gợi ra vẻ đẹp giao hòa giữa bầu trời và mặt đất đều tràn ngập ánh trăng.  Trong bức tranh thiên nhiên đầy thơ mộng đó, người chiến sĩ cách mạng vẫn không quên đi một nhiệm vụ quan trọng. Những năm tháng chiến tranh, mọi công việc hoạt động cách mạng đều phải diễn ra một cách âm thầm và kín đáo. Chính vì vậy, những người chiến sĩ cách mạng đã lựa chọn thời điểm trong đêm khuya để bàn bạc việc quân việc nước. Vì quá say sưa bàn luận mà họ dường như quên mất đi thời gian, để đến khi công việc đã xong xuôi mới nhận ra đêm đã khuya. Và ánh trăng lúc này cũng là sáng nhất. Hình ảnh “con thuyền” ẩn dụ cho sự thắng lợi của cách mạng. Con thuyền chứa đầy ánh trăng giống như thắng lợi của cách mạng không còn xa nữa. Đó chính là niềm tin của Bác Hồ vào sự nghiệp đấu tranh của dân tộc.  Như vậy, bài thơ “Rằm tháng giêng” đã khắc họa được bức tranh thiên nhiên trong đêm rằm tháng giêng đầy thơ mộng cùng tình yêu nước sâu sắc của Hồ Chí Minh. Không chỉ vậy, người đọc cũng thấy được một tâm hồn thi sĩ đầy tinh tế nhạy cảm của Bác Hồ. |

* **HƯỚNG DẪN HỌC BÀI Ở NHÀ**

**GV phát phiếu học tập số 5:**

**TÌM Ý, LẬP DÀN Ý VÀ VIẾT THÀNH BÀI VĂN HOÀN CHỈNH CHO ĐỀ VĂN SAU:**

**Phân tích bài thơ "Chiều hôm nhớ nhà" của Bà Huyện Thanh Quan.**

“Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn

Tiếng ốc xa đưa vẳng trống dồn

Gác mái, ngư ông về viễn phố

Gõ sừng, mục tử lại cô thôn

Ngàn mây gió cuốn chim bay mỏi

Dặm liễu sương sa khách bước dồn

Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ

Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn”

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**TIẾT 26, 27, 28, 29, 30**

**LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; tự giải quyết vấn đề.

2. Năng lực riêng biệt:

- Vận dụng được các kĩ năng để làm một bài tổng hợp.

- Năng lực tạo lập một bài văn.

- Năng lực làm bài đọc hiểu;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực tổng hợp kiến thức đã học vào thực hành làm bài tập.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp tình yêu đối với văn chương, yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu:**  - HS được rèn kĩ năng làm đề tổng hợp: đọc, viết.  - HS được rèn sự linh hoạt, sáng tạo khi làm bài kiểm tra.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \***Cách 1**. GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS.  HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.  **\*Cách 2.** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút.  HS làm việc cá nhân.  HS tiếp nhận nhiệm vuh  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + GV gọi HS chữa đề theo từng phần.  + Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá, chữa lỗi cho HS. | **BÀI LÀM CỦA NỖI HS SAU GIỜ LUYỆN TẬP TỔNG HỢP** |

**ĐỀ SỐ 1**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi :**

**BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ**

*Đã bấy lâu nay, bác tới nhà*  
*Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.*   
*Ao sâu nước cả, khôn chài cá,*   
 *Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.*

*Cải chửa ra cây, cà mới nụ,*   
 *Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.*   
 *Đầu trò tiếp khách, trầu không có,*   
 *Bác đến chơi đây ta với ta!*

(Nguyễn Khuyến)

**Câu 1:**"Bạn đến chơi nhà" thuộc thể thơ gì?

A. Thất ngôn bát cú  C. Lục bát

B. Thất ngôn tứ tuyệt  D. Năm chữ

**Câu 2:** Bài thơ sử dụng luật gì?

A. Luật bằng C. Không theo luật nào

B. Luật trắc D. Cả A và B đều đúng

**Câu 3:** Cách ngắt nhịp của bài thơ là?

A. Nhịp 4/3 C. Nhịp 3/4

B. Nhịp 5/2 D. Nhịp 2/2/3

**Câu 4:** Biện pháp nghệ thuật nổi bật được tác giả sử dụng trong bài thơ là?

A.Đảo ngữ, liệt kê C. So sánh, liệt kê

B. Nhân hóa, liệt kê D. Nói quá, liệt kê

**Câu 5:** Nhận định nào **không** đúng về bài thơ?

A. Bài thơ thể hiện tâm trạng mừng vui khi có bạn đến chơi nhà.

B. Thể hiện cuộc sống nghèo túng, khốn khó và nỗi hổ thẹn với bạn.

C. Sử dụng từ ngữ thuần việt, giản dị, gần gũi cuộc sống thôn quê.

D. Thể hiện tình bạn đậm đà, thắm thiết.

**Câu 6:**Trong các dòng sau, dòng nào là thành ngữ?

A. Bầu vừa rụng rốn  C. Ao sâu nước cả

B. Cải chửa ra cây  D. Đầu trò tiếp khách

**Câu 7:** Từ câu thơ thứ hai đến câu sáu, tác giả nói về sự thiếu thốn về vật chất nhằm mục đích gì?

A. Miêu tả cảnh nghèo của mình

B. Giãi bày hoàn cảnh thực tế của mình

C. Không muốn tiếp đãi bạn

D. Diễn đạt một cách dí dỏm tình cảm chân thành, sâu sắc

**Câu 8:**Nhận xét về tình bạn của Nguyễn Khuyến trong bài thơ "Bạn đến chơi nhà"?

A. Tình bạn chân thành, thắm thiết, trong sáng, không màng tới vật chất

B. Tình bạn nghèo nàn, thiếu thốn đủ đường

C. Cả A và B đều đúng

D. Không phải các đáp án trên

Câu 9: Qua bài thơ, em cảm nhận như thế nào về cuộc sống của Nguyễn Khuyến?

Câu 10: Bài học mà em rút ra cho mình trong cuộc sống sau khi đọc bài thơ này là gì?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

**Phân tích bài thơ "Chiều hôm nhớ nhà" của Bà Huyện Thanh Quan.**

“Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn

Tiếng ốc xa đưa vẳng trống dồn

Gác mái, ngư ông về viễn phố

Gõ sừng, mục tử lại cô thôn

Ngàn mây gió cuốn chim bay mỏi

Dặm liễu sương sa khách bước dồn

Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ

Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn”

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**PHẦN 1: ĐỌC HIỂU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** |
|  | **ĐỌC HIỂU** |
| **1** | A |
| **2** | B |
| **3** | A |
| **4** | D |
| **5** | B |
| **6** | C |
| **7** | D |
| **8** | A |
| **9** | - HS nêu được cảm nhận của mình về cuộc sống của Nguyễn Khuyến, VD:  + Vui thú điền viên, hết sức thanh bạch  + Cuộc sống nghèo khó nhưng tràn đầy niềm vui  + Thiếu thốn về vật chất nhưng phong phú về tâm hồn, tình cảm  ...  (HS có thể nêu những cảm nhận khác miễn phù hợp với nội dung bài thơ thì vẫn cho điểm) |
| **10** | - Học sinh nêu được bài học cụ thể.  VD: +Tình bạn là vô cùng quí giá.  + Tình bạn được xây dựng không phụ thuộc vào những giá trị về vật chất.  + Phải biết trân trọng, bảo vệ tình bạn  + Phải biết vượt qua khó khăn thử thách để giữ gìn tình bạn  ... |

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Trong làng thơ Việt Nam, có những nữ sĩ để lại cho thơ ca dân tộc những dấu ấn đẹp. Nếu thơ Hồ Xuân Hương tài ba, ngạo mạn thì thơ bà Huyện Thanh Quan lại trang nhã, trữ tình và duyên dáng. Đọc thơ bà, ta thấy nỗi buồn man mác, tâm trạng hoài cổ thật thanh cao đượm sự cô đơn, trống vắng. Một trong những bài thơ đó là tác phẩm Chiều hôm nhớ nhà. Tìm hiểu bài thơ ta sẽ thấy tài thơ điêu luyện của Bà:

*Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn*

*Tiếng ốc xa đưa vẳng trống dồn*

*Gác mái, ngư ông về viễn phố*

*Gõ sừng, mục tử lại cô thôn*

*Ngàn mây gió cuốn chim bay mỏi*

*Dặm liễu sương sa khách bước dồn*

*Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ*

*Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn*

Ở hai câu đề, khoảng thời gian là trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn. Ánh sáng vẫn còn đó, nhưng chỉ còn là ánh lờ mờ của ngày tàn và đêm sắp tới. Câu thơ chỉ giới thiệu thời gian mà người đọc như cảm thấy cả không gian một vùng quê rộng lớn. Trước thiên nhiên ấy, giữa trời và đất, có một cái gì đó tràn ngập con người nhạy cảm. Buổi chiều là thời gian dễ buồn nhất và đó cũng là khoảng thời gian thường xuất hiện trong thơ của bà Huyện Thanh Quan. Con người trong cuộc sống hỗn độn, ồn ào vẫn có một lúc nào đó trở về với cái bình yên muôn thuở của thiên nhiên, về với chính lòng mình. Và lúc này chính là khoảnh khắc đó của nữ sĩ.

*Tiếng ốc xa đưa vẳng trống dồn*

Âm thanh từ xa vẳng đến như thúc giục, nhưng vẫn có cái trầm lặng trong đó báo hiệu cho mọi người: ngày sắp hết. Ta như gặp một nét thân quen, man mác của câu ca dao:

*Chiều chiều ra đứng ngõ sau*

*Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều.*

Tâm trạng của tác giả đã phần nào được ngầm hiểu trong cách lựa chọn thời gian, không khí và thanh âm. Trong cảnh chiều, trong tiếng gọi tàn ngày đó, con người hiện ra:

*Gác mái, ngư ông về viễn phố*

*Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.*

Câu thơ với nhịp 2/5 làm cho ta có cảm giác hoạt động con người đang giảm dần, đang đi tới kết thúc. Phép đối rất chuẩn cùng với những từ Hán Việt đã góp phần tạo nên vẻ trang nhã, cổ kính của hai câu thơ gợi tả này. Trước cảnh thiên nhiên to lớn, con người thật nhỏ, yếu thế và có phần đơn độc. Đó cũng là đặc điểm của thơ Thanh Quan. Gặp cảnh và người ở đây ta không thể không liên tưởng đến cảnh và người.

*Lom khom dưới núi, tiều vài chú*

*Lác đác bên sông, chợ mấy nhà*

Trong bài thơ *Qua đèo Ngang* của cùng tác giả, cảnh và người đều vậy: lặng lẽ, đượm buồn. Ta có cảm giác nhà thơ cũng đang lặng lẽ, thẩn thờ. Và con đường trước mắt bà thì sao, hai câu luận đã vẽ ra khung cảnh:

*Ngàn mây gió cuốn chim bay mỏi*

*Dặm liễu sương sa khách bước dồn*

Khoảng đường trước mắt như vô tận. Chim bay mỏi mà chưa tới nơi, khách bước dồn mà chưa tới chốn. Con đường đi hay con đường đời đang dàn trải? Phép đối từng cặp hình ảnh ngàn mây dặm liễu, gió cuốn - sương sa, chim bay mỏi - khách bước dồn làm ý thêm nhấn mạnh. Những từ ngữ bước dồn, bay mỏi cho thấy tâm trạng chán chường, mỏi mệt của nhà thơ. Tâm trạng ấy tất dẫn đến hai câu thơ kết thúc:

*Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ*

*Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn*

Không có ai để tâm sự, trời đất thì bao la, vắng lặng, trống trải, khiến tác giả quay về với nội tâm, với lòng buồn sẵn có của mình. Câu thơ cuối, vừa như một câu cảm, vừa như một câu hỏi. Ta đã từng bắt gặp những câu thơ tài ba đó trong thơ bà:

*Dừng chân đứng lại, trời non nước*

*Một mảnh tình riêng, ta với ta*

(Qua đèo Ngang)

Và

*Cảnh đấy, người đây luống đoạn trường*

(Thăng Long hoài cổ)

Qua đó, ta càng hiểu được nỗi niềm tâm sự của tác giả. Mang tiếng nói của tầng lớp quý tộc phong kiến đang trên đường suy thoái, thơ Thanh Quan biểu hiện một khía cạnh tư tưởng của văn chương thế kỉ 18 - 19, phản ánh tâm tư của lớp nho sĩ chán nản bế tắc. Tiếng thơ đó cũng biểu hiện tâm trạng hoài cổ, thiết tha nhớ nhà Lê đã suy vi. Phải chăng đó cũng là tâm tình của tập đoàn phong kiến đã hết thời vàng son, hết vai trò lịch sử? Đặt bài thơ của nữ sĩ vào bối cảnh lịch sử như thế, ta có biểu hiện sâu thêm cái buồn trong lòng bà: cái buồn thời đại.Thơ bà buồn, nhưng không vì thế mà mất vẻ đẹp gợi cảm. Trái lại, nhờ vậy càng tăng thêm phần đặc sắc. Thơ bà đẹp một cách trầm lặng như chính tâm hồn bà.

Chiều hôm nhớ nhà của Bà Huyện Thanh Quan mãi mãi đưa đến cho chúng ta những cảm xúc chân thành, đậm đà trước nét buồn thanh tao, đưa đến những suy nghĩa sâu xa hơn về con người và xã hội. Một bài thơ đóng lại nhưng còn mở ra, tạo nên một dư âm trong lòng người đọc.

**ĐỀ 2**

**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**

***Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:***

**CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ**

*Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,  
Tiếng ốc xa đưa lẩn trống đồn.  
Gác mái, ngư ông về viễn phố,  
Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.  
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,  
Dặm liễu sương sa khách bước dồn.  
Kẻ chốn trang đài, người lữ thứ,  
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?*

                                  ( Bà Huyện Thanh Quan)

**Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 8:**

**Câu 1**: Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A.Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

B. Thất ngôn bát cú Đường luật

C. Ngũ ngôn

D. Lục bát

**Câu 2**: Bài thơ được gieo vần gì?

A.Vần lưng

B. Vần chân

C. Vần liền

D. Vần cách

**Câu 3**:Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ là gì?

A.Vui mừng, phấn khởi

B. Xót xa, sầu tủi

C.  Buồn, ngậm ngùi

D. Cả ba phương án trên

**Câu 4:** Bài thơ sử dụng phương thức biểu đạt nào?

A.Nghị luận kết hợp biểu cảm

B. Biểu cảm kết hợp tự sự

C. Miêu tả kết hợp tự sự

D. Biểu cảm kết hợp miêu tả

**Câu 5:**Nội dung của bài thơ là gì?

A. Tâm trạng buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái của  người lữ  khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết.

B. Tâm trạng hân hoan, vui sướng khi nhớ về quê nhà

C. Nhớ tiếc một thời vàng son của Thăng Long cũng là trở về cội nguồn của dân tộc, tự hào về sức sống và nền văn hiến Đại Việt  
D. Hoài niệm về những tàn dư thủa trước  
**Câu 6**: Nhận định nào sau đây đúng nhất về thơ của Bà Huyện Thanh Quan?

A.Trang nhã, đậm chất bác học và thấm đẫm niềm hoài cổ.

B.Trẻ trung, mạnh mẽ đầy hơi thở dân gian.

C. Ngôn ngữ bình dị, gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày.

D.Trang nhã, đậm chất bác học.

**Câu 7:**Em có nhận xét gì về nghệ thuật đặc sắc của bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà*?

A. Kết cấu bài thơ phù hợp với tâm trạng chủ thể trữ tình

B. Thủ pháp nghệ thuật phóng đại được sử dụng hiệu quả

C. Lời thơ trang nhã, sử dựng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ

D. Ngôn ngữ thơ Nôm bình dị, hình ảnh gợi cảm, giàu màu sắc, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc

**Câu 8:** Căn cứ vào nội dung bài thơ cho thấy rõ nhất điều gì ở nhân vật trữ tình?

A. Lòng tự trọng

B. Yêu nhà, yêu quê hương

C. Sự hoài cổ

D. Cả ba ý trên

**Câu 9:**  Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong các câu thơ sau:

*Gác mái, ngư ông về viễn phố,  
 Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.*

**Câu10**: Từ nội dung của bài thơ, em hãy nêu rõ vai trò của quê hương đối với mỗi người. (Trả lời khoảng 5-7 dòng)

**Phần II.  Viết  (4,0 điểm)**

Viết bài văn phân tích bài thơ ***Bạn đến chơi nhà*** của Nguyễn Khuyến .

**GỢI Ý**

**PHẦN 1: ĐỌC HIỂU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** |
|  | **ĐỌC HIỂU** |
| **1** | **B** |
| **2** | **B** |
| **3** | **C** |
| **4** | **D** |
| **5** | **A** |
| **6** | **A** |
| **7** | **C** |
| **8** | **B** |
| **9** | **- Mức tối đa:**HS chỉ rõ và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ : Động từ "gác mái" biểu đạt một tâm thế nhàn của ngư ông đang sống ở miền quê, đã thoát vòng danh lợi: Đảo vị ngữ “ Gác mái” càng nhấn mạnh sự nghỉ ngơi thư thái của ngư ông. “ Gõ sừng” cũng được đảo ra phía trước để nhấn mạnh cử động của mục tử ( người chăn trâu ) nhưng là cử động trở về, nghỉ ngơi . Tóm lại, hai câu thực đã thể hiện một cách tài hoa chủ đề “ chiều hôm nhớ nhà”=> ​tạo nên không khí tĩnh lặng, cảnh chiều thêm tĩnh mịch và ẩn chứa một nỗi niềm man mác, bâng khuâng của lòng người  **- Mức chưa tối đa:** GV căn cứ vào bài làm của HS để cho điểm phù hợp.  **- Mức chưa đạt:** HS không có câu trả lời hoặc trả lời sai hoàn toàn. |
| **10** | **- Mức tối đa:**  HS đọc kĩ bài thơ và nêu được vai trò của quê hương đối với mỗi người .Ví dụ:  - Quê hương chính là nơi chôn nhau cắt rốn của ta, là nơi nuôi ta lớn lên với biết bao kỉ niệm chẳng thể phai nhòa.  - Quê hương dạy ta biết lớn khôn và trưởng thành . Quê hương cho ta những năm tháng tuổi thơ tuyệt vời mà suốt hành hình trình trưởng thành ta không bao giờ tìm lại được.   -  Quê hương ấy, những con người quen thuộc ấy sẽ theo dấu chân ta trên suốt quãng đời của mình ...  **- Mức chưa tối đa:** GV căn cứ vào bài làm của HS để cho điểm phù hợp.  **- Mức chưa đạt:** HS không có câu trả lời hoặc trả lời sai hoàn toàn. |

**Dàn ý**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu về tác giả Nguyễn Khuyễn (những nét tiêu biểu về cuộc đời, sự nghiệp sáng tác…)

- Giới thiệu về bài thơ “Bạn đến chơi nhà” (hoàn cảnh ra đời, khái quát giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật…)

**2. Thân bài**

**a. Cảm xúc khi bạn đến chơi nhà**

- Cách giới thiệu giản dị, gần gũi với đời sống:

   + Đã bấy lâu nay: chỉ thời gian đã lâu lắm rồi

   + Bác tới nhà: chỉ sự việc bạn đến thăm

- Giọng điệu: vồn vã, chân thành, cởi mở.

- Cách xưng hô: bác – một danh từ chỉ người, được dùng như đại từ, qua đó thể hiện thái độ niềm nở, thân tình, quý trọng của tác giả đối với bạn.

- Hai vế câu sóng đôi như một lời reo vui, đón khách, thể hiện sự xúc động ngọt ngào. Qua đó, cho thấy mối quan hệ gần gũi, thân mật giữa chủ và khách.

⇒ Câu nhập đề tự nhiên như một lời nói mộc mạc, như một tiếng reo vui, thể hiện sự chân tình, niềm xúc động của tác giả khi bạn đến chơi nhà.

**b. Hoàn cảnh của nhà thơ khi bạn đến chơi nhà**

- Tác giả đã tạo ra một tình huống, một hoàn cảnh rất đặc biệt khi bạn đến chơi nhà:

   + Muốn ra chợ thì chợ xa

   + Muốn sai trẻ thì trẻ đi vắng

   + Muốn bắt cá thì ao sâu

   + Muốn đuổi gà thì vườn rộng, rào thưa

   + Những thực phẩm như thịt, cá, rau đậu của vườn lại chưa ăn được

   + Miếng trầu cũng không có

⇒ Tình huống được tạo ra có tính bông đùa, có sẵn nhưng hóa ra lại không có gì, từ đó cho thấy hoàn cảnh éo le của tác giả. Vật chất không có, chỉ có sự chân tình tiếp đãi bạn.

- Nghệ thuật;

   + Nhịp thơ 3/4: tạo âm hưởng nhịp nhàng, chậm rãi, khoan thai

   + Phép đối chặt chẽ, lặp cấu trúc cụm từ, sử dụng tính từ, từ phủ định…

⇒ Tạo dựng một tình huống éo le đó là cách nói hài hước, phóng đại về cuộc sống thiếu thốn vật chất của tác giả, qua đó thể hiện sự hóm hỉnh, hài hước của một nhà nho thanh bạch.

**c. Tình bạn thắm thiết của tác giả**

- Sử dụng từ nhiều nghĩa “ta”:

   + Ta (1): chủ nhà – nhà thơ

   + Ta (2): khách – bạn

- Sử dụng quan hệ từ “với” nối liền hai chữ ta, qua đó ta thấy giưa chủ và khách dường như không còn khoảng cách, tuy hai mà một, gắn bó, hòa hợp, vui vẻ, trọn vẹn.

⇒ Câu thơ đã đúc kết lại giá trị của toàn bài thơ, bộc lộ tình cảm sâu sắc của nhà thơ đối với bạn, khẳng định một tình bạn đậm đà thắm thiết, trọn vẹn mà trong sáng, vượt qua mọi thử thách tầm thường.

**3. Kết bài**

- Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ:

   + Nội dung: ca ngợi tình bạn chân thành, thắm thiết, mộc mạc của tác giả

   + Nghệ thuật: thể thơ thất ngôn bát cú, giọng thơ chất phác, hồn nhiên, tạo tình huống thú vị, bất ngờ, sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa ngôn ngữ bác học và ngôn ngữ đời thường…

- Cảm nhận về bài thơ và liên hệ.

**BÀI VĂN THAM KHẢO**

Đọc thơ Nguyễn Khuyến ta chẳng thấy mấy bài vui bởi tâm trạng ông mang nặng nỗi buồn trước cảnh đất nước thương đau, trước thói đời lắm nỗi éo le. Nỗi buồn ấy càng sâu càng đậm từ khi ông cáo quan về ở ẩn. Nhưng ta niềm vui bất chợt khi đọc *Bạn đến chơi nhà*. Ẩn chứa trong bài thơ là một tình bạn bằng hữu tâm giao cao quý vượt lên mọi nghi thức đời thường. Cái nghèo vật chất không lấn át được tình cảm ấm áp chân thành.

*Đã bấy lâu nay, bác tới nhà*

*Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa*

*Ao sâu nước cả, khôn chài cá*

*Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà*

*Cải chửa ra cây, cà mới nụ*

*Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa*

*Đầu trò tiếp khách, trầu không có*

*Bác đến chơi đây, ta với ta.*

       Bài thơ viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật nhưng sự phát triển của ý thơ khá bất ngờ không theo cấu trúc (đề, thực, luận, kết) thường thấy ở thơ Đường. Có lẽ đây cũng là một điều rất đặc biệt như chính tình bạn của họ.

*Đã bấy lâu nay, bác tới nhà*

       Câu thơ mở đề giản dị, tự nhiên như lời chào hỏi thân tình của hai người bạn thân lâu lắm mới gặp nhau. Tuổi già thường cảm thấy cô đơn nên người ta khao khát có bạn để chuyện trò, giãi bày tâm sự. Vì vậy khi có bạn đến thăm thì quá đỗi vui mừng. Cách xưng hô thân mật bằng bác, cách gọi thân mật dân dã gợi sự nể trọng cũng như thân tình thể hiện sự gắn bó trọng tình giữa chủ và khách. Câu thơ giống như lời chào quen thuộc hàng ngày: đã lâu rồi nay có dịp bác đến chơi nhà, thật là vui quá. Tôi, bác chẳng xa lạ gì thôi thì mong bác thông cảm cho! Ngày còn ở chốn quan trường việc có bạn tới thăm là lẽ thường nhưng giờ ông đã từ quan, có bạn đến tận nhà thăm thì hẳn phải là thân thiết lắm bởi thói đời: giàu thời tìm đến, khó thời thời lui. Vui sướng, xúc động nhà thơ đã lấy sự sung túc, giàu có của tình bạn thay vào cái túng thiếu về vật chất để tiếp bạn.

       Thông thường theo phép tắc xã giao khi bạn đến nhà dù là thân hay sơ thì trước hết trầu nước sau là cơm rượu đãi bạn. Nhưng sau lời chào bạn Nguyễn Khuyến nhắc đến một loạt những khó khăn của gia đình:

*Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa*

*Ao sâu nước cả, khôn chài cá*

*Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà*

*Cải chửa ra cây, cà mới nụ*

*Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa*

       Nhà thơ như đang phân trần với bạn về sự tiếp đãi chưa chu đáo của mình.

       Phần thực, luận tính hệ thống của ngôn ngữ thơ rất chặt chẽ, nhất quán ở một cách nói. Có tất cả mà cũng chẳng có gì để đãi bạn thân. Có ao và có cá, có vườn và gà, có cà và cải, có mướp và bầu, nhưng ... Bức tranh vườn hiện lên sống động vui tươi. Một nếp sống thôn dã chất phác, cần cù, bình dị đáng yêu. Một cuộc đời thanh bạch ấm áp cây đời và tình người. Ta cảm thấy Nguyễn Khuyến đang dắt tay bạn mình ra thăm vườn cây, ao cá và hơn thế mong bạn cảm thông với cuộc sống của mình chăng?

       Các từ (sâu, cả, rộng, thưa), các trạng từ chỉ tình trạng (khôn, khó), các trạng từ chỉ sự tiếp diễn của hành động (chửa, mới, vừa, đương) hô ứng bổ trợ cho nhau một cách thần tình, khéo léo, dung dị và tự nhiên. Những từ ngữ này biểu hiện một cuộc sống dung dị, tự nhiên gần gũi đáng yêu.

       Dân gian có câu: Miếng trầu là đầu câu chuyện.

*Đầu trò tiếp khách, trầu không có*

       Phải chăng cái nghèo của cụ Tam Nguyên Yên Đổ lại đến mức ấy ư? Nhà thơ đã cường điệu hoá cái nghèo của mình. Một ông quan to triều Nguyễn về ở ẩn, với một cơ ngơi chín sào tư thố là nơi ở thì không thể “miếng trầu” cũng không có. Rõ ràng đây là lời bông đùa hóm hỉnh với bạn. Đồng thời để bày tỏ một cuộc sống thanh bạch, một tâm hồn thanh cao của một nhà nho khước từ lương bổng của giặc Pháp, lui về sống cuộc đời bình dị giữa xóm làng quê hương.

       Những vật chất bình thường nhất mang ra tiếp bạn đều không có, mà thay vào đó là tình cảm chân thành tha thiết. Tình bạn của họ được vun đắp, dựng xây trên cơ sở của tình cảm, lòng yêu thương kính trọng. Vật chất là quan trọng nhưng không phải là tất cả. Thật xúc động khi đọc nhưng dòng thơ thể hiện tình cảm của Nguyễn Khuyến với bạn:

*Bác Dương thôi đã thôi rồi*

*Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta*

*Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước*

*Bác với tôi hôm sớm cùng nhau...*

                           (Khóc Dương Khuê - Nguyễn Khuyến)

       Tình cảm của Nguyễn Khuyến và Dương Khuê thật cảm động, họ tri kỉ tri âm với nhau cũng xuất phát từ đó. Đúng vậy, trong bài thơ này những nghi thức xã giao vật chất dần bị bóc để lộ ra hạt ngọc lung linh - ấy là tâm hồn, tình cảm cao quý của họ.

       Bác đến chơi đây, ta với ta

       Câu kết là sự “bùng nổ” ý và tình. Tiếp bạn chẳng cần có mâm cao cỗ đầy, sơn hào hải vị mà chỉ cần có một tấm lòng.

       Lần thứ hai chữ bác xuất hiện, bác không quản ngại đường xá xa xôi đến thăm bạn thì thật đáng quý. Tình bạn là trên hết, không gì mua được. Mong tiếp bạn bằng những thứ thật sang, thật bất ngờ nhưng rồi chỉ có ta với ta. Họ hiểu nhau, họ tuy hai nhưng là một, cái đồng điệu ấy chính là sự xem thường vật chất, trọng tình cảm, trọng tình bằng hữu.

       Tôi và bác chỉ cần gặp nhau để trò chuyện tâm sự là đã đủ. Tình cảm của họ bộc lộ một cách trọn vẹn, tràn đầy và lắng đọng. Ta với ta trong bài thơ Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan là sự bắt gặp đối diện với chính mình, chính tâm trạng cô đơn u hoài của nữ sĩ. Còn ta với ta trong bài thơ này là sự bắt gặp của hai tâm hồn, hai con người.

       Có một số bài thơ của Nguyễn Khuyến viết về bạn khi đọc ta mới thấy hết được ý vị của nó:

*Từ trước bảng vàng nhà có sẵn*

*Chẳng qua trong bác với ngoài tôi*

(Gửi bác Châu Cầu)

       Bài thơ Bạn đến chơi nhà là bài thơ hay viết về tình bạn, một tình bạn thắm thiết keo sơn. Một tâm hồn thanh bạch cao quý của hai con người hòa là một, một cách sống thanh cao trọng tình trọng nghĩa. Tình bạn của họ thật cảm động chứ không như Nguyễn Bỉnh Khiêm đã từng lên án Còn bạc còn tiền còn đệ tử - Hết cơm hết rượu hết ông tôi. Tình bạn cao quý ấy còn chói ngời mãi, là điển hình cho tình bằng hữu xưa nay.

       Khép lại bài thơ, ai ai cũng xúc động trước tình bạn cao quý của họ. Lời thơ dung dị, ý thơ chất chứa bao tình cảm thân thương trìu mến tạo nên nét đặc sắc của bài thơ.